

PHƯƠNG ÁN

**Khôi phục khẩn cấp thiệt hại do thiên tai trong sản xuất nông nghiệp,
khẩn trương triển khai sản xuất vụ Đông 2020 và vụ Đông Xuân 2020 -2021**

Năm 2020, sản xuất nông nghiệp trên địa bàn trải qua nhiều khó khăn, thách thức do diễn biến bất thường của khí hậu, thời tiết; dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp ở trong nước và trên thế giới đã làm ảnh hưởng lớn đến sản xuất, dân sinh trên địa bàn tỉnh; dịch bệnh tả lợn Châu Phi chưa được khống chế hoàn toàn, dịch bệnh tôm nuôi xảy ra ở một số địa phương làm ảnh hưởng đến thu nhập của người dân.

Từ ngày 17/9 đến ngày 15/11/2020, địa bàn tỉnh Quảng Trị chịu ảnh hưởng kết hợp của nhiều hình thể thời tiết nguy hiểm: Bão số 5, bão số 6, bão số 7, áp thấp nhiệt đới, bão số 8, bão số 9, bão số 12 và bão số 13 đã gây ra 06 đợt lũ; đặc biệt từ ngày 06 đến ngày 21/10/2020, trên địa bàn tỉnh đã liên tục xảy ra dồn dập các đợt mưa rất lớn, làm lũ các sông lên rất nhanh, gây ngập lụt diện rộng tại các địa phương, đã xuất hiện đỉnh lũ vượt lũ lịch sử trên tất cả các lưu vực sông (có 04 đợt lũ chồng lũ nối tiếp nhau), sạt lở đất nghiêm trọng đã xảy ra tại các huyện Hướng Hóa, Đakrông gây thiệt hại rất lớn về người, tài sản, công trình cơ sở hạ tầng và sản xuất. Ước giá trị thiệt hại bước đầu hơn 4.250 tỷ đồng. Trong đó, thiệt hại về sản xuất nông nghiệp và hạ tầng nông nghiệp **ước khoảng hơn 2.900 tỷ đồng** (Trồng trọt: 725 tỷ đồng; chăn nuôi: 107 tỷ đồng; Thủy sản: 656 tỷ đồng; Lâm nghiệp: 95 tỷ đồng; Hạ tầng thủy lợi và cấp nước sinh hoạt: 1.500 tỷ đồng).

Theo dự báo của Trung tâm Khí tượng Thủy văn Trung ương và Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh Quảng Trị, nền nhiệt độ vụ Đông Xuân 2020-2021 có xu hướng thấp hơn trung bình nhiều năm (TBNN), cụ thể: Rét đậm xuất hiện khoảng giữa tháng 12/2020, số ngày rét ở mức cao hơn TBNN cùng kỳ. Từ tháng 01 đến tháng 3 năm 2021, không khí lạnh hoạt động mạnh hơn TBNN cùng kỳ về cường độ, mỗi tháng khu vực tỉnh chịu ảnh hưởng của 3-5 đợt không khí lạnh, tình trạng rét, rét đậm sẽ xảy ra với tần suất lớn và kéo dài đến tháng 02/2021, đặc biệt là ở khu vực miền núi.

Để kịp thời, chủ động tổ chức sản xuất nông nghiệp, thực hiện các giải pháp khôi phục sản xuất sau thiên tai, ứng phó với diễn biến bất thường của thiên tai và dịch bệnh trên địa bàn, UBND tỉnh ban hành Phương án **“Khôi phục khẩn cấp thiệt hại do thiên tai trong sản xuất nông nghiệp, khẩn trương triển khai sản xuất vụ Đông 2020 và Đông Xuân 2020 -2021”** với các nội dung sau:



I. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VÀ MỤC TIÊU

1. Quan điểm, mục tiêu chung:

Tập trung huy động mọi nguồn lực, ứng dụng đồng bộ các giải pháp, khẩn trương tổ chức, chỉ đạo thúc đẩy nhanh công tác tổ chức khôi phục sản xuất trên diện rộng, đảm bảo nguồn thu nhập cho người dân, trước mắt là triển khai sản xuất vụ Đông Xuân 2020-2021 thắng lợi, đảm bảo an ninh lương thực và ổn định đời sống nhân dân.

2. Mục tiêu cụ thể:

2.1. Trồng trọt:

- Cải tạo, phục hồi 1.359 ha đất sản xuất nông nghiệp (584 ha đất lúa, 775 ha đất hoa màu) bị bồi lấp để kịp thời tổ chức sản xuất vụ Đông Xuân 2020-2021; Về lâu dài cần nghiên cứu các giải pháp xử lý, sử dụng phù hợp đối với 187 ha bị bồi lấp bởi cát, sỏi, đá không thể canh tác nông nghiệp;

- Đảm bảo nguồn giống để tổ chức sản xuất: 25.500 ha lúa; 4.000 ha ngô; 3.000 ha lạc; 10.500 ha sắn và trên 4.000 ha rau đậu các loại.

2.2. Chăn nuôi:

- Trước mắt hỗ trợ nguồn giống để nhanh chóng khôi phục lại đàn gia cầm khoảng 3,3 triệu con, kịp phục vụ nhu cầu trước và sau Tết Nguyên đán Tân Sửu bởi chu kỳ nuôi ngắn. Từng bước khôi phục lại tổng đàn gia súc, trong đó: Đàn lợn 243.000 con; đàn trâu, bò 81.600 con;

- Chủ động thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh trên vật nuôi, vệ sinh tiêu độc, khử trùng nhằm đảm bảo an toàn dịch bệnh và vệ sinh môi trường trong công tác khôi phục sản xuất chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.

2.3. Thủy sản:

- Tổ chức khôi phục nuôi trồng thủy sản vụ Đông - Xuân, trong đó chú trọng khôi phục các vùng nuôi trồng thủy sản nước ngọt với diện tích 1.500 ha;

- Khôi phục đàn cá bố mẹ hậu bị, phấn đấu năm 2021 sản xuất được 12 - 15 triệu con cá giống, đáp ứng 50% nhu cầu giống toàn tỉnh;

- Giai đoạn tới, sau khi đã cải tạo được môi trường nuôi, phân bổ nguồn giống Trung ương hỗ trợ 10 triệu tôm giống, tiếp tục đề xuất Trung ương hỗ trợ và huy động nguồn lực các chủ nuôi tôm để bổ sung thêm nguồn giống tôm nhằm đáp ứng nhu cầu nuôi tôm trên địa bàn tỉnh;

- Khôi phục cơ sở hạ tầng các vùng nuôi tôm cửa sông, phấn đấu năm 2021, diện tích nuôi tôm toàn tỉnh đạt 1.200 ha.

2.4. Lâm nghiệp:

- Khẩn trương san gạt, khôi phục các công trình hạ tầng lâm sinh để tiếp tục triển khai trồng rừng đạt kế hoạch 7.500 ha. Đồng thời, tranh thủ thời tiết thuận lợi để khai thác các diện tích rừng phòng hộ chuyển đổi sang sản xuất và rừng đã đến chu kỳ khai thác, phấn đấu sản lượng khai thác đạt trên 1 triệu m³;

- Khoanh nuôi xúc tiến, tái sinh rừng tự nhiên, trồng bổ sung cây bản địa làm giàu rừng tự nhiên. Phát triển các mô hình vườn rừng, mô hình sản xuất nông lâm kết hợp trong rừng sản xuất và rừng phòng hộ để tăng tính chống chịu của hệ thống nông nghiệp và nâng cao giá trị thu nhập trên một đơn vị diện tích đất lâm nghiệp. Tiếp tục thực hiện hoàn thành kế hoạch trồng rừng thay thế rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng đặc dụng đạt 389,754 ha. Tăng cường bảo vệ, đấu tranh ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật lâm nghiệp, chăm sóc và bảo vệ tốt diện tích rừng đặc dụng, phòng hộ hiện có để nâng cao tính đa dạng sinh học và bền vững hệ sinh thái rừng, phòng chống sạt lở đất, lũ quét...

- Ổn định và phát triển sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp sau lũ lụt, đạt khoảng 20 triệu cây đảm bảo chất lượng đủ nguồn cung cho trồng rừng và chăm sóc rừng trồng, trong đó ưu tiên mở rộng diện tích sử dụng giống nuôi cấy mô phần đầu đạt 10% - 20% diện tích trồng mới trong năm 2021;

- Tiếp tục đầu tư mở mới và khôi phục các công trình bảo vệ rừng để phục vụ tốt công tác bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng cho những năm tiếp theo.

2.5. Về cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất, sinh hoạt:

- Khôi phục khẩn cấp hạ tầng thủy lợi, kịp thời cấp nước phục vụ sản xuất vụ Đông Xuân 2020-2021;

- Khôi phục khẩn cấp các cơ sở hạ tầng cấp nước và thoát nước do mưa lũ. Đảm bảo nguồn nước sạch, hợp vệ phục vụ sinh hoạt cho người dân, nước uống cho vật nuôi, đặc biệt là các xã miền núi và ven biển.

II. NỘI DUNG VÀ GIẢI PHÁP

1. Các giải pháp trước mắt:

1.1. Đảm bảo nguồn giống đủ phẩm cấp để sản xuất vụ Đông muộn 2020 và Đông Xuân 2020-2021

Để tổ chức sản xuất vụ Đông Xuân 2020-2021 thắng lợi trên địa bàn cần đáp ứng đủ nhu cầu giống cây trồng, vật nuôi, giống thủy sản đảm bảo phẩm cấp và số lượng cho người dân tổ chức sản xuất; các lĩnh vực cụ thể như sau:

a) Đối với trồng trọt:

- Nhu cầu giống cây trồng: 2.000 tấn lúa, 80 tấn ngô, 20 tấn rau các loại; 17.500 tấn hom giống sắn; 600 tấn giống lạc; Đến nay, Trung ương đã hỗ trợ khẩn cấp 5 tấn giống ngô, 5 tấn giống rau; các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh đã hỗ trợ cho các địa phương 83,5 tấn lúa, 4 tấn ngô. Tỉnh đang tiếp tục đề nghị Trung ương hỗ trợ 2.000 tấn giống lúa, 80 tấn giống ngô, 15 tấn giống rau và dự kiến Trung ương sẽ hỗ trợ: 1.000 tấn giống lúa, 80 tấn giống ngô, 10 tấn giống rau; phân bổ cụ thể như sau:

STT	Huyện, thị xã, thành phố	Giống (tấn)			Tổng kinh phí (triệu đồng)
		Lúa	Ngô	Rau	
1	Vĩnh Linh	126,8	11,6	1,3	6.048,8
2	Gio Linh	154,0	8,7	1,1	5.645,9
3	TP Đông Hà	39,0	1,0	0,7	1.215,1
4	Triệu Phong	216,0	7,5	1,4	6.836,9
5	TX Quảng Trị	12,4	4,0	1,4	1.085,9
6	Hải Lăng	318,8	11,3	1,4	9.090,9
7	Cam Lộ	66,0	4,9	0,7	2.507,0
8	Đakrông	31,0	16,5	0,8	3.075,6
9	Hướng Hóa	36,0	14,5	1,2	3.193,6
Tổng		1.000,0	80,0	10,0	38.699,7

Từ nguồn giống hỗ trợ khẩn cấp của Chính phủ (5 tấn giống rau, 5 tấn giống Ngô HN88) và nguồn giống của các tổ chức, các nhân (83,5 tấn lúa, 4 tấn ngô) đã hỗ trợ cho các địa phương như sau:

STT	Huyện, thị xã, thành phố	Hạt giống (Kg)				Mô hình trồng rau (ha)	Tổng kinh phí (triệu đồng)
		Lúa	Ngô		Rau các loại		
			HN88	CP311			
1	Vĩnh Linh	5.000,0	635,0	400,0	705,0	9,0	431,4
2	Gio Linh	9.000,0	635,0		380,0		397,1
3	TP Đông Hà		555,0		585,0		207,5
4	Triệu Phong	38.500,0	630,0	800,0	650,0	15,0	1.177,0
5	TX Quảng Trị		530,0		645,0		204,2
6	Hải Lăng	31.000,0	620,0	800,0	690,0	5,0	991,8
7	Cam Lộ		30,0	600,0	690,0	5,0	314,8
8	Đakrông		415,0	700,0	485,0	10,0	298,5
9	Hướng Hóa		450,0	700,0	170,0	10,0	286,9
Tổng		83.500,0	5.000,0	4.000,0	5.000,0	54,0	4.309,0

Sau khi cân đối các nguồn giống hỗ trợ của Trung ương, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân, cùng với nguồn giống dũ trữ của người dân, cần có chính sách hỗ trợ thêm các nguồn giống còn thiếu hụt sau:

- Hỗ trợ 123,4 tấn giống lúa chất lượng cao các loại để hỗ trợ cho các địa phương xây dựng các vùng lúa chất lượng cao (Vĩnh Linh: 35 tấn, Gio linh: 45 tấn, Triệu Phong: 35 tấn, Cam Lộ: 5 tấn, thị xã Quảng Trị 3,4 ha): Để mở rộng diện tích sản xuất lúa chất lượng cao trên địa bàn tỉnh (đã được xác định tại Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND) bằng một số giống lúa chất lượng cao đã được người dân trên địa bàn tỉnh sản xuất có hiệu quả cao nhưng không có trong danh mục hỗ trợ từ nguồn của TW;

- Hỗ trợ 200 tấn giống lạc, 4.450 tấn giống hom sắn cho các địa phương còn thiếu hụt.

b) Chăn nuôi:

- Nhu cầu 1.000.000 con giống gia cầm, 8.000 con giống gia súc các loại để khôi phục sau mưa lũ và cần khoảng 100.000 con lợn giống để thực hiện khôi phục lại đàn lợn sau bệnh dịch tả lợn Châu Phi trong thời gian qua.

Trước mắt, Trung ương và các chương trình, dự án hỗ trợ 243.000 giống gia cầm (223.000 con gà, 2.000 con ngan; 8000 con vịt biển; 10.000 con vịt thịt) nuôi thịt để hỗ trợ cho người chăn nuôi bị thiệt hại do mưa lũ; hỗ trợ 30.000 lít hóa chất (Bencocid: 15.000 lít; Vetvaco-Iodine: 15.000 lít) để xử lý môi trường chăn nuôi; hỗ trợ 105 tấn Chlorine 65% để xử lý môi trường trong nuôi trồng thủy sản.

- Về hóa chất: Đã tiếp nhận và phân bổ như sau:

STT	Huyện, thị xã, thành phố	BenKocid (lít)	Vetvaco Iodine (lít)	Chlorin 65% (kg)	Quy thành tiền (triệu đồng)
1	Vĩnh Linh	2.400	2.000	40.000	2.730,40
2	Gio Linh	2.400	2.000	20.000	1.730,40
3	TP Đông Hà	750	1.000	8.500	715,50
4	Triệu Phong	2.400	2.500	30.000	2.313,40
5	TX Quảng Trị	750	800	0	257,30
6	Hải Lăng	2.400	2.500	6.500	1.138,40
7	Cam Lộ	1.000	1.200	0	365,20
8	Đakrông	700	800	0	249,00
9	Hướng Hóa	1.200	1.200	0	398,40
10	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	1.000	1.000	0	332,00
Tổng		15.000	15.000	105.000	10.230

- Về giống gia cầm: Giao ngành Nông nghiệp tổ chức úm gà 01 ngày tuổi do Trung ương hỗ trợ 220.000 con và dự kiến phân bổ số lượng gia cầm sau khi úm cho các địa phương như sau:

STT	Huyện, thị xã, thành phố	Gà (con)	Ngan (con)	Quy thành tiền (triệu đồng)
1	Vĩnh Linh	40.000		400,00
2	Gio Linh	40.000		400,00
3	TP Đông Hà	5.000		50,00
4	Triệu Phong	55.000		550,00
5	TX Quảng Trị	5.000		50,00
6	Hải Lăng	40.000		400,00
7	Cam Lộ	25.000		250,00
8	Đakrông	4.000	1.000	50,00
9	Hướng Hóa	4.000	1.000	50,00
Tổng		218.000	2.000	2.200

Trước mắt, để kịp thời tiếp nhận 220.000 con gia cầm 01 ngày tuổi do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hỗ trợ, cần có chính sách hỗ trợ kinh phí để ươm gà đạt 21 ngày, đảm bảo chất lượng con giống cấp cho người dân khôi phục sinh kế sau thiên tai.

c) Về thủy sản:

Để khôi phục sản xuất, nhu cầu cá bố mẹ khoảng 1.880 kg; nhu cầu cá giống 11,83 triệu con; nhu cầu số lượng giống tôm cần hỗ trợ 277,2 triệu con; hóa chất xử lý môi trường nuôi tôm khoảng 208 tấn.

Ngày 26/11/2020, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã hỗ trợ và tổ chức thả 1.200 kg cá bố mẹ gồm cá trắm, cá rô phi và cá chép tại Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Trị. Ngoài ra, HTX cá giống Đô Lương và Trung tâm Khuyến nông tỉnh Nghệ An đã hỗ trợ 200 kg cá giống (trắm, trôi, mè, chép), tương đương 4.000 con, đã thả vào ngày 05/12/2020 tại HTX Long Hưng (Hải Lăng) 100 kg và xã Cam Thủy (Cam Lộ) 100 kg.

Tổng kinh phí hỗ trợ đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị hỗ trợ:

STT	Huyện, thị xã, thành phố	Cá bố mẹ (kg)	Cá giống (kg)	Quy thành tiền (triệu đồng)
1	Trung tâm Giống thủy sản	1.200		355
2	Hải Lăng		100	8
3	Cam Lộ		100	8
Tổng		1.200	200	371

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã kêu gọi các Doanh nghiệp hỗ trợ cho tỉnh 10 triệu tôm giống và 20 tấn thức ăn với tổng kinh phí 1.900 triệu đồng. Tổng cục Thủy sản có công văn số 2449/TCTS-NTTS ngày 07/12/2020 về việc triển khai hỗ trợ phục hồi sản xuất thủy sản sau thiên tai, trong đó các đơn vị hỗ trợ lập danh sách các hộ dân/cơ sở đã và sẽ nhận hỗ trợ trong thời gian tới (gồm các thông tin: Địa chỉ, số lượng, quy cách, chất lượng, thời gian triển khai hỗ trợ) gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để giám sát quá trình triển khai hỗ trợ. Dự kiến thời gian hỗ trợ từ tháng 3 - 4/2021.

Do vậy, cần có chính sách hỗ trợ kinh phí để bổ sung đàn cá bố mẹ cho Trung tâm Giống thủy sản và các cơ sở sản xuất giống với khối lượng và chủng loại như sau: Cá bố mẹ hậu bị với tổng khối lượng 680 kg (trắm cỏ: 200 kg, trắm đen: 80 kg, mè: 300 kg, trê phi: 100 kg).

1.2. Cải tạo đồng ruộng, trả lại mặt bằng mặt bằng sản xuất và chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp trên diện tích bị bồi lấp

Để kịp thời tổ chức sản xuất vụ Đông Xuân 2020-2021 cần khẩn trương cải tạo, khôi phục 1.358,9 ha diện tích đất lúa, hoa màu bị vùi lấp. Phân loại độ sâu vùi lấp, loại đất vùi để đưa ra các giải pháp khôi phục, cải tạo phù hợp nhằm kịp thời tổ chức sản xuất vụ Đông Xuân 2020-2021:

- *Đối với diện tích đất lúa bị vùi lấp:*

+ Vùng đất bị vùi có độ sâu dưới 15cm: Tập trung cải tạo, san ủi mặt bằng, vệ sinh, cải tạo đồng ruộng bằng vôi và các chế phẩm vi sinh vật để làm đất gieo cấy vụ Đông Xuân;

+ Vùng đất bị vùi lấp sâu từ 15-30cm: Dùng các phương tiện cơ giới để giải phóng khối lượng đất cát trên đồng ruộng, trả lại mặt bằng hiện trạng ban đầu, sau đó dùng vôi, các chế phẩm vi sinh để cải tạo đồng ruộng;

+ Vùng đất bị vùi sâu trên 30cm: Tập trung cải tạo, san ủi mặt bằng, vệ sinh, xử lý đồng ruộng bằng vôi, các chế phẩm vi sinh vật, sau đó làm đất, lên luống cao để chuyển đổi sang trồng các loại cây trồng ngắn ngày phù hợp như: Rau các loại, ngô, lạc...;

+ Riêng địa bàn huyện Hướng Hóa, do vấn đề an ninh lương thực, cần khôi phục khẩn cấp 300/400 ha diện tích đất lúa bị vùi lấp trên 1 m để tổ chức sản xuất trong vụ Đông Xuân 2020-2021.

- *Đối với diện tích đất màu bị vùi lấp:*

+ Tập trung cải tạo, san ủi mặt bằng, vệ sinh, xử lý đồng ruộng bằng vôi, các chế phẩm vi sinh học, sau đó làm đất gieo trồng các loại cây màu phù hợp với từng vùng đất (lạc, ngô, khoai lang, rau các loại...);

- Đối với việc xử lý đồng ruộng bằng vôi và các chế phẩm vi sinh, để đảm bảo hiệu quả cao nhất khoảng cách giữa lần xử lý vôi và các chế phẩm vi sinh ít nhất 7 ngày.

Chi tiết diện tích tại các địa phương:

STT	Huyện, thị xã, thành phố	Tổng diện tích (ha)	Cải tạo đồng ruộng (ha)	
			Lúa	Hoa màu
1	Vĩnh Linh	-		
2	Gio Linh	6,7	6,7	
3	TP Đông Hà	0,5	0,5	
4	Triệu Phong	192,5	71,0	121,5
5	TX Quảng Trị	176,4	71,4	105,0
6	Hải Lăng	-		
7	Cam Lộ	20,0	-	20,0
8	Đakrông	662,8	134,8	528,0
9	Hướng Hóa	300,0	300,0	
Tổng		1.358,9	584,4	774,5

1.3. Sửa chữa hạ tầng thủy lợi cấp thiết kịp thời phục vụ sản xuất vụ Đông Xuân 2020-2021

- Các địa phương phát động phong trào toàn dân làm thủy lợi, vệ sinh đồng ruộng, trong đó tập trung: Nạo vét kênh mương, cửa cống, cửa nhận nước, trạm bơm bị bồi lấp đảm bảo thông thoáng; Kịp thời đắp sửa, hàn gắn tạm thời bằng đất những đoạn kênh bị hư hỏng hạn chế thất thoát nước; sửa chữa các máy bơm, trạm bơm để kịp thời cấp nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt; sửa chữa hệ thống giao thông nội đồng để phục vụ vận chuyển giống, vật tư, phân bón;

- Rà soát, đánh giá cụ thể từng công trình theo mức độ hư hỏng; khả năng về tiến độ khắc phục, sửa chữa để từ đó khoanh vùng diện tích phục vụ nhằm có phương án cụ thể: chuyển đổi sản xuất với các loại cây trồng phù hợp (khi không thể khắc phục, sửa chữa kịp thời công trình cấp nước phục vụ sản xuất) hoặc căn cứ vào nguồn nước tại chỗ hiện có để có biện pháp công trình phù hợp (như lắp đặt các trạm bơm dã chiến) nhằm phục vụ tạm thời vụ Đông Xuân 2020 - 2021.

** Đối với các công trình do Công ty TNHH MTV Quản lý khai thác công trình thủy lợi quản lý:*

- Huy động nguồn lực của Công ty tiến hành sửa chữa, bảo dưỡng công trình, đặc biệt là các cửa cống lấy nước đầu mối, cống lấy nước đầu kênh cấp 1, cấp 2;

- Kiểm tra các cống ngăn mặn, vệ sinh khe phai, sửa chữa cửa cống đảm bảo kín nước không để mặn xâm nhập vào nội đồng;

- Phối hợp với các địa phương tổ chức ra quân làm thủy lợi, nạo vét bùn đất, sửa chữa, hàn gắn các đoạn kênh bị hư hỏng, cống lấy nước, cống ngăn mặn, cửa điều tiết, van điều tiết... đảm bảo kín nước, sửa chữa các trạm bơm kịp thời phục vụ sản xuất;

- Trước mắt, cần sửa chữa kịp thời một số hệ thống kênh chính, kênh N1, N2A thuộc hệ thống Nam Thạch Hãn; kênh chính hệ thống Ái Tử; kênh N2 trạm bơm Cam Lộ; trạm bơm Hiếu Bắc; kênh chính, kênh N1 hệ thống Trúc Kinh; kênh chính Bàu Nhum, kênh N1 Kinh Môn; các trạm bơm: Mò Ó, Lâm Cao, Tân Mỹ, Xuân Long, Kinh Môn.... và một số công trình nhỏ khác.

Kinh phí hỗ trợ từ ngân sách khoảng 17.370 triệu đồng

(Danh mục theo Phụ lục 01a kèm theo)

* Đối với các công trình do địa phương quản lý.

- Tuyên truyền đến các tổ chức thủy lợi cơ sở (HTX, THT...), vận động người dân làm thủy lợi, be bờ, giữ nước để làm đất;

- Phối hợp với các lực lượng nòng cốt tại địa phương (Bộ đội, Công an, Đoàn Thanh niên...) để nạo vét, đắp sửa tạm thời bằng đất đối với các công trình kênh mương, trạm bơm, trục tiêu, hệ thống giao thông nội đồng...;

- Huy động nguồn lực của địa phương (nhân công, kinh phí từ đất trồng lúa, dịch vụ thủy lợi...) để kịp thời sửa chữa khẩn cấp các công trình;

- Ưu tiên nguồn lực trong bố trí kinh phí Trung ương hỗ trợ khẩn cấp các địa phương khắc phục hậu quả mưa, lũ (đã được phân bổ tại QĐ số 3214/QĐ-UBND ngày 11/11/2020), các nguồn vốn hợp pháp khác và nguồn vốn Trung ương hỗ trợ khẩn cấp để khắc phục các công trình bị hư hỏng do địa phương quản lý; chủ động triển khai thực hiện các hạng mục sửa chữa khẩn cấp để kịp thời phục vụ sản xuất vụ Đông Xuân 2020 -2021, song song với việc hoàn thiện hồ sơ, thủ tục đầu tư xây dựng theo quy định hiện hành;

- Tổ chức rà soát, gia cố các đoạn đê, kè xung yếu bị hư hỏng, sạt trượt, đảm bảo ngăn mặn, giữ ngọt bảo vệ sản xuất;

- Nâng cấp, sửa chữa khẩn cấp một số công trình sau: Hệ thống thủy lợi thôn Ruộng - Xa Re, hồ Bản Cửa, xã Hướng Tân, huyện Hướng Hóa; Thủy lợi Kỳ Xay, xã A Ngo, Thủy lợi Pi Ray thôn A Đăng, xã Tà Rụt, huyện Đakrông; Thay mới các trạm bơm Đội 7, Bàu Miệu, Phổ Lại, nâng cấp, sửa chữa kênh Mệ Hệ thôn An Bình, kênh N6-8 Trúc Kinh, kênh thôn Tam Hiệp, kênh hồ Đá Lã, kênh Hiếu Bắc, huyện Cam Lộ; Nâng cấp, sửa chữa Đập Khe Nây, kênh và công trình trên kênh thôn Hòa Bình, Đơn Thạnh, Linh Đơn, nạo vét, sửa chữa, nâng cấp đập Khe Tăm, huyện Vĩnh Linh; Khắc phục sửa chữa khẩn cấp 06 đập dâng, xã Gio Châu và khắc phục khẩn cấp đập dâng Cửa Đình, huyện Gio Linh; Sửa chữa 02 cầu máng Nại Cừu, và Nhan Biều, hệ thống kênh nội đồng và trạm bơm tưới, huyện Triệu Phong; Nâng cấp tràn Biền Quan, Khôi phục cống điều tiết Xuân Lộc, Xây dựng cầu máng Tân Xuân Thọ, Sửa chữa đập ruộng cấy, huyện Hải Lăng; Sửa chữa công trình thủy lợi Rú Củ-Cồn Tranh, kênh Giã Non và đường ống Bàu Hà, thị xã Quảng Trị.

Dự kiến kinh phí khoảng 34.900 triệu đồng

(Danh mục sửa chữa theo Phụ lục 01a kèm theo)

- Tiếp tục kiểm tra, rà soát các công trình thủy lợi, đê kè, các công trình cấp nước sạch nông thôn bị hư hỏng, phân loại mức độ khẩn cấp để có phương án khắc phục tạm thời; đề xuất thứ tự ưu tiên đối với các công trình hư hỏng lớn để lồng ghép vào các chương trình, dự án và tận dụng các nguồn lực khác để khắc phục, sửa chữa đảm bảo phục vụ sản xuất lâu dài.

1.4. Đảm bảo cấp nước sinh hoạt cho người dân các vùng bị thiệt hại do mưa lũ

- Trước mắt, ưu tiên nguồn lực để khắc phục khẩn cấp 05 công trình cấp nước sinh hoạt tại 3 huyện; Hướng Hóa (*Công trình cấp nước sinh hoạt thôn Chênh Vênh và Cheng, xã Hướng Phùng*), huyện ĐaKrông (*Công trình nước sinh hoạt thôn Khe Luồi, xã Mò Ó và Công trình nước sinh hoạt khu tái định cư thôn Húc Nghi, xã Húc Nghi*) và huyện Cam Lộ (*Công trình cấp nước sinh hoạt thôn Tam Hiệp, xã Cam Thủy và Công trình cấp nước sinh hoạt thôn Bản Chùa, xã Cam Tuyền*), với tổng kinh phí 6.600 triệu đồng.

- Đối với các công trình cấp nước miền núi (tự chảy): Nạo vét lòng hồ trước đập ngăn nước đầu nguồn. Súc rửa, cấp phối lại vật liệu lọc trong bể lọc chậm; Sửa chữa lại tuyến ống;

- Đối với các công trình cấp nước đồng bằng (bơm dẫn): Nạo vét kênh mương dẫn nước thô (đối với công trình sử dụng nước mặt); bơm thổi rửa giếng khoan khai thác (đối với công trình sử dụng nước ngầm); Sửa chữa, thay mới hệ thống điện, hệ thống máy bơm của trạm bơm cấp nước; sửa chữa lại tuyến ống; Súc rửa bể lắng+lọc, thay thế vật liệu lọc bị hư hỏng do lũ gây ra. Cung cấp hóa chất xử lý nước như phèn nhôm, Chloramin B...

1.5. Khôi phục, sửa chữa hạ tầng thủy sản. Đẩy mạnh nuôi cá nước ngọt và khai thác xa bờ vụ cá Bắc để bù đắp sản lượng tôm, cá bị cuốn trôi

- Tiến hành sửa chữa, củng cố bờ bao, hệ thống kênh cấp, tiêu nước... thực hiện vệ sinh, tiêu độc khử trùng ao nuôi trước khi tiến hành sản xuất trở lại. Chỉ thực hiện nuôi khi có đủ điều kiện về ao hồ đã được chuẩn bị kỹ và cải tạo tốt;

- Tổ chức tu sửa, nạo vét kênh mương các công trình cấp và thoát nước các vùng nuôi trồng thủy sản tập trung, đảm bảo cấp nước và thoát nước có hiệu quả. Chính quyền các địa phương ưu tiên nguồn lực trong kinh phí Trung ương hỗ trợ khẩn cấp khắc phục hậu quả mưa lũ đã được bố trí để khắc phục các công trình bị hư hỏng do địa phương quản lý;

- Tổ chức đẩy nhanh tiến độ thi công các Dự án hoàn thiện hạ tầng hậu cần nghề cá đã bố trí vốn; Khuyến khích người dân ra quân đánh cá vụ Bắc.

2. Các giải pháp lâu dài và tiếp tục thực hiện:

Về lâu dài lập danh mục các Đề án, dự án, kế hoạch phân loại mức độ, đề xuất thứ tự ưu tiên để lồng ghép vào các chương trình, dự án và tranh thủ các nguồn lực hỗ trợ khắc phục, sửa chữa trong thời gian tới.

Rà soát đánh giá tác động, ảnh hưởng toàn diện của thiên tai nhất là bão, lũ, lũ quét, sạt lở đất đến tất cả các vùng trên địa bàn tỉnh để lồng ghép, điều chỉnh chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, xây dựng các kịch bản phòng ngừa, ứng phó phù hợp theo hướng kết hợp đa mục tiêu. Lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu vào lập quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của các địa phương.

a) Đối với trồng trọt:

- Xây dựng đề án xử lý 287 ha diện tích đất bị bồi lấp không thể sản xuất tại Hướng Hóa và Đakrông; Đề án khôi phục sản xuất đối với diện tích cây ăn quả và cây công nghiệp dài ngày bị ảnh hưởng do thiên tai.

b) Chăn nuôi:

Chủ động rà soát công tác quy hoạch chăn nuôi tại các địa phương; tập trung thực hiện công tác tái cơ cấu chăn nuôi, đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ, phát triển chăn nuôi theo hướng quy mô lớn, sản xuất chăn nuôi theo chuỗi liên kết giá trị, chăn nuôi an toàn sinh học, tiếp tục nhân rộng mô hình sản xuất thích ứng với biến đổi khí hậu. Khôi phục phát triển đàn gia súc, tập trung khôi phục đàn lợn sau Dịch tả lợn Châu phi và thiên tai, xây dựng các chính sách hỗ trợ khôi phục đàn lợn và các chính sách phát triển chăn nuôi. Kiện toàn và phát triển hệ thống sản xuất giống vật nuôi tại địa phương nhằm chủ động đảm bảo nguồn giống phục vụ sản xuất chăn nuôi của tỉnh.

c) Về thủy sản:

Tổ chức tốt công tác quan trắc, giám sát môi trường nuôi trồng thủy sản để kịp thời khuyến cáo người dân về chất lượng nước nuôi trồng thủy sản, đảm bảo khôi phục sản xuất sớm nhất có thể.

Rà soát quy hoạch lại vùng nuôi tập trung và đầu tư hạ tầng đáp ứng yêu cầu công tác phòng chống thiên tai, hạn chế thiệt hại và khôi phục sản xuất.

d) Về lâm nghiệp: Thực hiện việc khôi phục rừng hoặc trồng lại rừng theo các phương án đã được phê duyệt. Bố trí một số dự án ưu tiên cho phục hồi, bảo vệ rừng gần với cải thiện sinh kế và phòng chống thiên tai tại các vùng đầu nguồn, cửa sông, ven biển.

e) Đối với nước sinh hoạt nông thôn: Tổ chức khảo sát đánh giá lại trữ lượng, chất lượng nguồn nước cấp cho công trình, mức độ hư hỏng để có giải pháp sửa chữa hoặc lựa chọn giải pháp cấp nước khác hiệu quả hơn. Đầu tư xây dựng mới các công trình cấp nước tập trung có quy mô lớn đảm bảo an toàn trong thiên tai.

f) Về đầu tư cơ sở hạ tầng thủy lợi, đề điều:

- Tập trung đẩy mạnh thực hiện các dự án đầu tư xây dựng đang thực hiện, đã bố trí nguồn vốn để đảm bảo giải ngân đúng kế hoạch;

- Xử lý khẩn cấp sạt lở bờ sông, bờ biển, gia cố đề điều xung yếu, bị sạt lở. Tiếp tục đầu tư kiên cố hóa kênh mương, sửa chữa, nâng cấp, xây dựng mới các công trình tiêu thoát nước; nâng cấp, hoàn thiện hệ thống thủy lợi nội đồng để đảm bảo chủ động phòng, chống hạn hán, thiếu nước, ngập lụt, úng;

- Thực hiện việc lập quy hoạch phòng chống thiên tai và quy hoạch thủy lợi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; xây dựng quy hoạch thủy lợi lưu vực sông thích ứng với biến đổi khí hậu gây mưa lũ cực đoạn, hạn hán, xâm nhập mặn;

- Ưu tiên bố trí kinh phí trong giai đoạn đầu của Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và dự phòng ngân sách hàng năm của Trung ương cho công tác phòng chống thiên tai;

- Bố trí nguồn vốn vay ODA để tập trung khắc phục hậu quả thiên tai, đầu tư nâng cao năng lực ứng phó thiên tai và hạ tầng phục vụ sản xuất bền vững.

III. CHÍNH SÁCH VÀ CƠ CHẾ HỖ TRỢ

1. Chính sách hỗ trợ khẩn cấp trước mắt:

Bên cạnh nguồn hỗ trợ của Trung ương, để khôi phục và tổ chức sản xuất vụ Đông 2020 và vụ Đông Xuân 2020-2021 thắng lợi; nhà nước hỗ trợ theo các hạng mục chủ yếu sau:

- **Hỗ trợ giống cây trồng các loại:** Giống lúa 123,4 tấn, giống lạc 200 tấn; Giống sắn 4.450 tấn hom. **Tổng kinh phí: 20.614,8 triệu đồng** (Cơ chế hỗ trợ: **Sử dụng 70% từ nguồn quỹ cứu trợ khắc phục hậu quả thiên tai của UBMT TQVN tỉnh tiếp nhận: 14.430,4 triệu đồng; Người dân đóng góp 30%: 6.184,4 triệu đồng**); Chi tiết theo bảng sau:

STT	Huyện, thị xã, thành phố	Giống (tấn)			Tổng kinh phí (10 ⁶ đồng)	Nguồn	
		Lúa CLC	Lạc	Hom Sắn		UBMT TQVN tỉnh	Nhân dân đối ứng
1	Vĩnh Linh	35,0		1.000,0	2.770,0	1.939,0	831,0
2	Gio Linh	45,0	20,0	500,0	2.890,0	2.023,0	867,0
3	TP Đông Hà	-			-	-	-
4	Triệu Phong	35,0		1.000,0	2.770,0	1.939,0	831,0
5	TX Quảng Trị	3,4		200,0	474,8	332,4	142,4
6	Hải Lăng	-	60,0	1.300,0	5.300,0	3.710,0	1.590,0
7	Cam Lộ	5,0	70,0	450,0	4.160,0	2.912,0	1.248,0
8	Đakrông	-	50,0		2.250,0	1.575,0	675,0
9	Hướng Hóa	-			-	-	-
Tổng		123,4	200,0	4.450,0	20.614,8	14.430,4	6.184,4

- Phục hồi mặt bằng đồng ruộng: Hỗ trợ cải tạo đồng ruộng: 1.358,9 ha, trong đó:

+ Mức hỗ trợ khôi phục đồng ruộng vùng đồng bằng (*Căn cứ Khoản 4 Điều 7 Nghị định số 35/2015/NĐ-CP về quản lý, sử dụng đất trồng lúa*): 13,2 triệu đồng/ha (Trong đó: Chi phí cải tạo đất 10 triệu đồng; vôi 1,1 triệu đồng, chế phẩm Trichoderma 2,1 triệu đồng/ha);

+ Mức hỗ trợ khôi phục đồng ruộng vùng miền núi (*Căn cứ điểm b Khoản 4 và Khoản 3 Điều 3 Thông tư số 02/2017/TT-UBND của Ủy ban Dân tộc*): 18,2 triệu đồng/ha (Chi phí cải tạo đất 15 triệu đồng; vôi 1,1 triệu đồng, chế phẩm Trichoderma 2,1 triệu đồng/ha).

Tổng kinh phí: 22.751,5 triệu đồng; Dự kiến bố trí từ nguồn kinh phí Trung ương hỗ trợ khẩn cấp các địa phương khắc phục hậu quả mưa, lũ và các nguồn vốn hợp pháp khác.

(Tùy tình hình thực tế của từng địa phương, có thể huy động lồng ghép thêm các nguồn lực hỗ trợ hợp pháp khác để tổ chức cải tạo, khôi phục đồng ruộng phù hợp).

STT	Huyện, thị xã, thành phố	Tổng diện tích (ha)	Cải tạo đồng ruộng (ha)		Tổng kinh phí (10 ⁶ đồng)
			Lúa	Hoa màu	
1	Vĩnh Linh	-			-
2	Gio Linh	6,7	6,7		88,4
3	TP Đông Hà	0,5	0,5		6,6
4	Triệu Phong	192,5	71,0	121,5	2.541,0
5	TX Quảng Trị	176,4	71,4	105,0	2.328,5
6	Hải Lăng	-			-
7	Cam Lộ	20,0	-	20,0	264,0
8	Đakrông	662,8	134,8	528,0	12.063,0
9	Hướng Hóa	300,0	300,0		5.460,0
Tổng		1.358,9	584,4	774,5	22.751,5

- Về chăn nuôi:

+ Hỗ trợ kinh phí mua thức ăn, vắc xin, vật tư, điện sáng, trang thiết bị, công chăm sóc gia cầm trong giai đoạn úm từ 01-21 ngày tuổi. **Tổng kinh phí 3.005 triệu đồng; Cơ chế:** Hỗ trợ 100% từ nguồn kinh phí Trung ương hỗ trợ khẩn cấp các địa phương khắc phục hậu quả mưa, lũ và các nguồn vốn hợp pháp khác (*Chi tiết tại Phụ lục 02 kèm theo*)

+ Hỗ trợ kinh phí mua 3.500 con lợn giống nuôi thịt giống ngoại, lai ngoại (các giống Landrace, Yorkshire, Pietrain, Duroc) trọng lượng 10kg/con. **Tổng kinh phí: 8.750 triệu đồng** (Cơ chế hỗ trợ: **Sử dụng 70% từ nguồn quỹ cứu trợ khắc phục hậu quả thiên tai của UBMT TQVN tỉnh tiếp nhận: 6.125 triệu đồng; Người dân đóng góp 30%: 2.625 triệu đồng**).

Dự kiến phân bổ:

STT	Huyện, thành phố, thị xã	Số lượng (con)	Tổng kinh phí mua giống lợn (Tr.đồng)	Ngân sách nhà nước 70%	Nhân dân đối ứng 30%
1	Vĩnh Linh	500	1.250	875,0	375
2	Gio Linh	500	1.250	875,0	375
3	TP Đông Hà	150	375	262,5	113
4	Triệu Phong	750	1.875	1.312,5	563
5	TX Quảng Trị	300	750	525,0	225
6	Hải Lăng	600	1.500	1.050,0	450
7	Cam Lộ	300	750	525,0	225
8	Đakrông	200	500	350,0	150
9	Hướng Hóa	200	500	350,0	150
Tổng		3.500	8.750	6.125,0	2.625

+ Hỗ trợ 09 mô hình chăn nuôi lợn an toàn sinh học phục vụ việc tái đàn lợn sau thiệt hại do dịch tả lợn châu Phi; Định mức hỗ trợ không quá 200 triệu đồng/mô hình (gồm chi phí con giống, thức ăn, thuốc thú y, bồi dưỡng tập huấn, đào tạo, tuyên truyền, kiểm tra giám sát) áp dụng theo Nghị quyết số 37/2020/NQ-HĐND ngày 23/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị; Bố trí kinh phí qua Trung tâm Khuyến nông tỉnh để hướng dẫn xây dựng mô hình triển khai 01 mô hình/đơn vị cấp huyện.

Tổng kinh phí: 2.700 triệu đồng; Cơ chế hỗ trợ: Hỗ trợ 1.800 triệu đồng: từ nguồn kinh phí Trung ương hỗ trợ khẩn cấp các địa phương khắc phục hậu quả mưa, lũ và các nguồn vốn hợp pháp khác, **nhân dân đối ứng: 900 triệu đồng.**

- Về Thủy sản:

+ Hỗ trợ cá bố mẹ với nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ 100%: **174 triệu đồng**, từ nguồn kinh phí Trung ương hỗ trợ khẩn cấp các địa phương khắc phục hậu quả mưa, lũ và các nguồn vốn hợp pháp khác.

STT	Huyện, thị xã, thành phố	Cá bố mẹ hậu bị (kg)				NSNN (Triệu đồng)
		Trắm cỏ	Trắm đen	Cá mè	Cá trê phi	
1	Trung tâm Giống thủy sản		80	100	100	74
2	Hải Lăng	200		200		100
Tổng		200	80	300	100	174

+ Hỗ trợ cá giống: Nhu cầu hỗ trợ trước mắt để khôi phục sản xuất với tổng số giống cá 3.549.000 con. Tổng kinh phí: **7.098 triệu đồng**, trong đó: **Sử dụng 70% từ nguồn quỹ cứu trợ khắc phục hậu quả thiên tai của UBMT TQVN tỉnh tiếp nhận: 4.968,6 triệu đồng**, người dân đóng góp (30%): **2.129,4 triệu đồng** và được phân bổ theo bảng sau:

STT	Huyện, thị xã, thành phố	Cá giống (1.000 con)				Nguồn kinh phí		
						Tổng KP (10 ⁶ đồng)	NSNN (70%)	Người dân đóng góp (30%)
		Trê	Trắm	Mè	Chép			
1	Vĩnh Linh	766,5	459,9	153,3	153,3	3.066	2.146,2	919,8
2	Gio Linh	162	97,2	32,4	32,4	648	453,6	194,4
3	TP Đông Hà	39	23,4	7,8	7,8	156	109,2	46,8
4	Triệu Phong	237	142,2	47,4	47,4	948	663,6	284,4
5	TX Quảng Trị	82,5	49,5	16,5	16,5	330	231	99
6	Hải Lăng	313,5	188,1	62,7	62,7	1.254	877,8	376,2
7	Cam Lộ	118,5	71,1	23,7	23,7	474	331,8	142,2
8	Hướng Hóa	55,5	33,3	11,1	11,1	222	155,4	66,6
Tổng		1.774,5	1.064,7	354,9	354,9	7.098	4.968,6	2.129,4

- Về sửa chữa khẩn cấp các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung: 05 công trình tại 03 huyện Hướng Hóa, Đakrông, Cam Lộ. **Tổng kinh phí dự kiến 6.600 triệu đồng.** Cơ chế hỗ trợ: **Ngân sách nhà nước 100%**, từ nguồn kinh phí Trung ương hỗ trợ khẩn cấp các địa phương khắc phục hậu quả mưa, lũ và các nguồn vốn hợp pháp khác. (Chi tiết tại Phụ lục 03a kèm theo);

- Các hạng mục thủy lợi cần ưu tiên khắc phục để mở nước cho vụ Đông Xuân 2020-2021, với tổng kinh phí 52.270 triệu đồng.

Cơ chế hỗ trợ: Ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện khắc phục khẩn cấp các công trình do tỉnh quản lý: **17.370 triệu đồng**; do địa phương quản lý: **34.900 triệu đồng**. Bố trí từ nguồn kinh phí Trung ương hỗ trợ khẩn cấp các địa phương khắc phục hậu quả mưa, lũ và các nguồn vốn hợp pháp khác.

(Chi tiết tại Phụ lục 01a)

2. Chính sách hỗ trợ tiếp theo (từ năm 2021 trở đi):

Tổng kinh phí: 800.119,1 triệu đồng (Tám trăm tỷ, một trăm mười chín triệu, một trăm ngàn đồng) Cơ chế thực hiện: *Bố trí lồng ghép từ các nguồn vốn của các Chương trình MTQG: xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững và CTMTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, phân bổ kinh phí về các xã, huyện chủ động tổ chức thực hiện.* *(Chi tiết tại Phụ lục 04 kèm theo)*; Trong đó:

a) Đề xuất chính sách hỗ trợ của Trung ương:

- Đề nghị Trung ương hỗ trợ sửa chữa, khắc phục thiệt hại hệ thống hạ tầng thủy lợi phục vụ sản xuất, đảm bảo an toàn công trình với kinh phí: **632.475 triệu đồng** *(Chi tiết tại Phụ lục 01b kèm theo)*;

- Tiếp tục sửa chữa thêm 61 công trình cấp nước sinh hoạt hệ tập trung, với kinh phí **66.000 triệu đồng** *(Chi tiết tại Phụ lục 03b kèm theo)*;

- Để đảm bảo khôi phục nuôi tôm cần 208 tấn Chlorine để xử lý môi trường và 277,2 triệu tôm giống cho 693 ha diện tích nuôi tôm, đồng thời sửa chữa cơ sở hạ tầng nuôi thủy sản. Đề xuất ngân sách Trung ương hỗ trợ: **62.010 triệu đồng** *(Chi tiết tại các Phụ lục số 05a, 05b, 05c)*;

- Hỗ trợ trồng rừng tự nhiên: **28.231,6 triệu đồng** (Trong đó đề nghị Trung ương hỗ trợ 70%: **19.762,1 triệu đồng**)

(Chi tiết tại Phụ lục số 06 kèm theo)

b) Chính sách hỗ trợ của tỉnh:

- **Về chăn nuôi:** Thực hiện đề án tái đàn lợn sau dịch tả lợn Châu Phi, giai đoạn 2021-2025, dự kiến **ngân sách tỉnh hỗ trợ 10.000 triệu đồng** để thực hiện. Cụ thể: Hỗ trợ 50% lãi suất vốn vay tối đa trong giai đoạn 2021-2025 cho cơ sở chăn nuôi lợn; Định mức cho vay được hỗ trợ lãi suất không quá 200 triệu đồng/cơ sở chăn nuôi *(Chi tiết tại Phụ lục 07 kèm theo)*;

- **Về lâm nghiệp:** Để khôi phục lại diện tích rừng bị thiệt hại, đảm bảo duy trì ổn định độ che phủ rừng; Trồng mới diện tích đất rừng tự nhiên bị sạt lở: 326 ha;

Hỗ trợ kinh phí khôi phục, sửa chữa các công trình bảo vệ rừng, PCCCR; dự kiến **ngân sách tỉnh hỗ trợ: 9.872 triệu đồng**.

(Chi tiết tại Phụ lục 06 kèm theo)

IV. KINH PHÍ VÀ KHÁI TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Tổng kinh phí thực hiện Phương án: 979.892,3 triệu đồng; Trong đó:

- Đã được hỗ trợ và dự kiến sẽ được hỗ trợ từ TW: 55.809,9 triệu đồng
- Kinh phí khôi phục khẩn cấp trước mắt: 123.963,3 triệu đồng;
- Kinh phí khôi phục giai đoạn tiếp theo: 800.119,1 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục 04 kèm theo)

2. Nguồn kinh phí cần hỗ trợ cấp bách trước mắt: 123.963,3 triệu đồng:

- **Tổng cộng nguồn lực nhà nước hỗ trợ: 112.124,5 triệu đồng** (Không tính phần hiện vật Trung ương đã hỗ trợ và dự kiến sẽ hỗ trợ giống lúa, ngô, rau: 55.809,9 triệu đồng); Cụ thể:

+ Từ nguồn quỹ cứu trợ khắc phục hậu quả thiên tai của UBMT TQVN tỉnh tiếp nhận để hỗ trợ mua giống cây trồng, vật nuôi và sửa chữa các công trình kênh mương nội đồng bị hư hỏng trên địa bàn tỉnh: **28.524,0 triệu đồng;**

+ Từ nguồn kinh phí Trung ương hỗ trợ khẩn cấp các địa phương khắc phục hậu quả mưa, lũ và các nguồn vốn hợp pháp khác để: Cải tạo mặt bằng đồng ruộng; úm gia cầm; hỗ trợ xây dựng các mô hình nuôi lợn an toàn sinh học phục vụ tái đàn lợn; khắc phục các hệ thống thủy lợi phục vụ mở nước sản xuất vụ Đông Xuân 2020-2021 và khắc phục khẩn cấp các công trình cấp nước sinh hoạt: **83.600,5 triệu đồng.**

- **Người dân đóng góp: 11.838,8 triệu đồng.**

- **Kinh phí nhà nước hỗ trợ trước mắt để tổ chức sản xuất vụ Đông Xuân 2020-2021** (Sau khi khấu trừ giá trị phần hiện vật Trung ương hỗ trợ):

TT	Các đơn vị, địa phương	Kinh phí hỗ trợ của nhà nước (triệu đồng)	Trong đó	
			Nguồn UBMT TQVN tỉnh	Nguồn NSTW hỗ trợ khẩn cấp
I	Khối tỉnh	23.513,0	0	23.513,00
1	Trung tâm Giống cây trồng vật nuôi	3.005,0		3.005,00
2	Trung tâm Khuyến nông	1.800,0	0	3.064,00
3	Trung tâm Giống Thủy sản	74,0	0	74,00
4	Sửa chữa các công trình thủy lợi do tỉnh quản lý	17.370,0	0	17.370,00

TT	Các đơn vị, địa phương	Kinh phí hỗ trợ của nhà nước (triệu đồng)	Trong đó	
			Nguồn UBMT TQVN tỉnh	Nguồn NSTW hỗ trợ khẩn cấp
II	Khối huyện	89.875,50	28.524,00	61.351,50
1	Vĩnh Linh	12.260,20	5.460,20	6.800,00
2	Gio Linh	5.440,00	3.351,60	2.088,40
3	TP Đông Hà	378,30	371,70	6,60
4	Triệu Phong	17.856,10	4.915,10	12.941,00
5	TX Quảng Trị	4.416,90	1.088,40	3.328,50
6	Hải Lăng	8.187,80	5.637,80	2.550,00
7	Cam Lộ	7.382,80	4.268,80	3.114,00
8	Đakrông	18.488,00	2.925,00	15.563,00
9	Hướng Hóa	15.465,40	505,40	14.960,00
Tổng cộng (I+II)		112.124,50	28.524,00	83.600,50

(Chi tiết có Phụ lục 08 kèm theo)

Về lâu dài, tiếp tục quan tâm ưu tiên bố trí nguồn lực sửa chữa, khôi phục các công trình hạ tầng kỹ thuật phục vụ sản xuất và sinh hoạt cho người dân; ưu tiên các danh mục và mức vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 cho các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn. Ngoài ra, kính đề nghị các Bộ, ngành TW quan tâm, tạo điều kiện để tỉnh Quảng Trị được tham gia vào các dự án ODA với mục tiêu đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ tái thiết sau thiên tai.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Chỉ đạo các đơn vị chuyên môn trên địa bàn huy động, cử cán bộ theo dõi, bám sát từng địa bàn, hỗ trợ, hướng dẫn người dân tổ chức khôi phục sản xuất, sớm ổn định cuộc sống;

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành địa phương, giám sát, đánh giá quá trình tổ chức thực hiện Phương án hiệu quả, phù hợp;

- Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh tùy theo chức năng, nhiệm vụ để tăng cường tổ chức tập huấn, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, phòng trừ dịch bệnh, chuẩn bị nguồn giống đảm bảo về số lượng và chất lượng cho sản xuất. Đặc biệt là đẩy mạnh việc tuyên truyền, vận động nhân dân mạnh dạn chuyển đổi cơ cấu giống, cây trồng, đầu tư thâm canh, áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

2. Sở Tài chính:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cân đối nguồn kinh phí, tham mưu UBND tỉnh xem xét, quyết định phân bổ 10 tỷ đồng từ nguồn dự phòng ngân sách tỉnh để hỗ trợ các địa phương tổ chức khắc phục khẩn cấp hệ thống kênh mương bị hư hỏng, kịp thời phục vụ sản xuất vụ Đông Xuân 2020-2021;

- Hướng dẫn các đơn vị, địa phương tổ chức quản lý, sử dụng kinh phí Trung ương hỗ trợ khắc phục khẩn cấp hậu quả mưa, lũ đảm bảo đúng quy định.

3. Sở Khoa học và Công nghệ: Nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất, giúp người dân nâng cao chất lượng và giá trị các mặt hàng nông sản;

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Phối hợp với Sở Tài chính cân đối, phân bổ nguồn kinh phí các Chương trình mục tiêu Quốc gia, các nguồn vốn đầu tư để hỗ trợ tổ chức thực hiện Phương án; Tham mưu UBND tỉnh xem xét, quyết định tổ chức thực hiện, hướng triển khai các nội dung có yếu tố đầu tư, cấu phần đầu tư xây dựng áp dụng theo quy định của Luật Đầu tư công.

5. Sở Công Thương: Đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại, giới thiệu quảng bá các sản phẩm nông sản chủ lực của tỉnh đến với các địa phương trong nước và nước ngoài;

6. Các ngân hàng, tổ chức tín dụng: Có chính sách khoanh nợ, gia hạn thời gian vay, hỗ trợ tín dụng lãi suất ưu đãi phục vụ khôi phục sản xuất nông nghiệp;

7. Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh và các cơ quan thông tấn, báo chí: Đẩy mạnh thông tin tuyên truyền, giới thiệu về các nội dung Phương án, thường xuyên cập nhật tình hình thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn tỉnh để kịp thời thông tin cho các địa phương và người dân biết, chủ động phòng tránh; Giới thiệu các mô hình mới, cách làm hay ở các địa phương trong và ngoài tỉnh nhằm giúp người dân tiếp cận và triển khai thực hiện có hiệu quả công tác tổ chức sản xuất trên địa bàn.

8. UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Chủ động xây dựng phương án tổ chức sản xuất nhằm đảm bảo an ninh lương thực, thực hiện có hiệu quả các mô hình chuyển đổi; Chỉ đạo triển khai thực hiện nghiêm túc các cảnh báo về thiên tai, dịch bệnh và phương án khôi phục sản xuất của ngành nông nghiệp;

- Xây dựng kế hoạch tiếp nhận và phân bổ kịp thời, đúng đối tượng các nguồn lực hỗ trợ nhằm nhanh chóng khôi phục sản xuất, ổn định và phát triển sản xuất sau lũ lụt;

- Huy động các lực lượng vũ trang trên địa bàn hỗ trợ người dân cải tạo đồng ruộng, kịp thời tổ chức sản xuất đúng thời vụ;

- Khuyến cáo người dân sản xuất lúa ngắn ngày, chất lượng cao theo hướng an toàn, hữu cơ, sạch, có chứng nhận; chuyển đổi đất lúa thiếu nước, đất sản xuất lúa hiệu quả thấp sang sản xuất cây trồng cạn phù hợp; sản xuất theo hướng cánh đồng lớn, hình thành các vùng chuyển đổi tập trung... nhằm nâng cao năng suất, hiệu quả trên một đơn vị diện tích canh tác, thúc đẩy tái cơ cấu ngành Nông nghiệp trên địa bàn;

- Chỉ đạo các đơn vị chức năng trên địa bàn huyện (Phòng Nông nghiệp và PTNT, Trạm Khuyến nông, Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, hệ thống mạng lưới khuyến nông, thú y cơ sở ...) phối hợp với chính quyền cơ sở khoanh vùng chuyển đổi, tập huấn hướng dẫn kỹ thuật sản xuất, phòng chống dịch bệnh, xây dựng kế hoạch, theo dõi chỉ đạo để giúp nông dân tổ chức sản xuất tốt, đạt hiệu quả cao;

- Quy hoạch, tổ chức chỉ đạo và liên kết với các Doanh nghiệp để triển khai các vùng sản xuất tập trung theo hướng cánh đồng lớn bền vững để nâng cao giá trị gia tăng trên đơn vị diện tích;

- Xây dựng các chính sách phù hợp nhằm thu hút các Doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh vào đầu tư sản xuất, liên kết với nông dân để tổ chức sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm.

Trên đây là Phương án ***“Khôi phục khẩn cấp thiệt hại do thiên tai trong sản xuất nông nghiệp, khẩn trương triển khai sản xuất vụ Đông năm 2020 và vụ Đông Xuân 2020 -2021”*** trên địa bàn tỉnh. UBND tỉnh yêu cầu các Sở, ngành, địa phương khẩn trương chỉ đạo triển khai thực hiện. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Phương án, kịp thời báo cáo, đề xuất UBND tỉnh xem xét chỉ đạo các nội dung vượt thẩm quyền./.

Nơi nhận:

- Bộ NN&PTNT;
- Bộ Tài chính;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NN.

na



TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Võ Văn Hưng

Phụ lục 01a
CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH CÁN UY TIỀN KHẮC PHỤC SỬA CHỮA ĐỀ KỊP THỜI MỖ NƯỚC
PHỤC VỤ SẢN XUẤT VỤ ĐỒNG XUÂN NĂM 2020 - 2021

TT	Danh mục công trình	Địa điểm	Vị trí	Khối lượng			Kinh phí (106 đồng)	Mô tả tình trạng hư hỏng công trình
				Đất (m ³)	Đá (m ³)	Bê tông (m ³)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
A	Các công trình do Công ty TNHH MTV Quản lý, khai thác công trình thủy lợi quản lý			5.400	0	1.200	17.370,0	
I	Hệ thống Nam Thạch Hãn						11.800,0	
1	Kênh chính	TX Quảng Trị	K7+000 - K7+780 và	1.000		400	3.000,0	- Sạt lở mái kênh với tổng chiều dài L=800m
2	Kênh N2A	Huyện Hải Lăng	K0+260 - K1+740, K4+860 - K5+010 và K6+450 - 6+780	1.200		80	500,0	- Sạt lở mái kênh, bờ kênh 05 vị trí với tổng chiều dài L=70m (K0+260, K1+286, K1+734, K6+450, K6+770) - Bồi lấp lòng kênh 02 vị trí L=200m (K0+263 - K0+313, K4+865 - K5+015). - Vỡ bờ kênh 01 vị trí chiều dài L=15m (K5+246)
3	Kênh N1	Huyện Triệu Phong	K0+020 - K0+470, K2+400 - K2+930, K4+900 - K4+950, K6+600 - K7+660, K8+130 - K8+950 và K10+600 - K11+400	1.200		80	500,0	- Sạt lở mái kênh, bờ kênh 10 vị trí với tổng chiều dài L=150m (K2+400, K2+930, K7+400, K7+660, K8+165, K8+180, K8+510, K8+540, K8+850, K11+400). - Bồi lấp lòng kênh 02 vị trí L=100m (K0+020 - K0+070, K0+450 - K0+500) - Vỡ bờ kênh 04 vị trí chiều dài L=35m (K8+130, K8+810, K8+900, K8+950)
4	Kênh N4	TX Quảng Trị	K1+850	200		20	100,0	- Vỡ bờ kênh L=20m
5	Kênh N1-7A	Huyện Triệu Phong	K0+570	100		10	50,0	- Sập tường kênh chiều dài L=20m
6	Kênh N1-10	Huyện Triệu Phong	K0+150	200		60	200,0	- Sập tường kênh chiều dài L=60m
7	Kênh N1-11B	Huyện Triệu Phong	K0+900	200			50,0	- Bồi lấp lòng kênh L=200m
8	Cầu máng trên kênh N3-10B	Huyện Triệu Phong	K0+132/ kênh N3-10B				3.000,0	- Cầu máng bị cuốn trôi hoàn toàn
9	Kênh N1-11A	Huyện Triệu Phong	K0 - K2+050	700		250	2.000,0	- Hư hỏng tường kênh L=2050m
10	Kênh N6-13A	Huyện Hải Lăng	K0 - K0+650	600		300	900,0	- Sập tường kênh L=650m
11	Cầu qua kênh trên kênh N1 và kênh N3	Huyện Triệu Phong	K4+925/ kênh N1 và K4+344/ kênh N3				1.500,0	- 2 cầu bị bong tróc, hư hỏng bê tông dầm cầu, bản cầu
II	Hệ thống Ái Tử			1.000	0	50	375,0	
1	Kênh chính	TP Đông Hà	K5+100 - K8+320	1.000		50	375,0	- Sạt lở mái ngoài kênh 04 vị trí với tổng chiều dài L=30m (K5+100, K5+250, K6+860, K6+900). - Bồi lấp 03 vị trí với tổng chiều dài L=1.900m (K2+015 - K2+145, K5+055 - K5+675, K7+100 - K8+250)
III	Hệ thống trạm bơm Cam Lộ			1.200	0	10	345,0	

TT	Danh mục công trình	Địa điểm	Vị trí	Khối lượng			Kính phí (106 đồng)	Mô tả tình trạng hư hỏng công trình
				Đất (m ³)	Đá (m ³)	Bê tông (m ³)		
1	Kênh N2 trạm bơm Cam Lộ	Huyện Cam Lộ	K1+050 - K2+900	1.200		10	325,0	- Bồi lấp 04 vị trí với tổng chiều dài L=1.150m (K1+050 - K1+200, K1+250 - K1+350, K1+700 - K1+850, K2+100 - K2+900). - Giảm tường kênh bị gãy 01 vị trí chiều dài L=10m (K0+590)
2	Trạm bơm Hiếu Bắc	Huyện Cam Lộ					20,0	- 01 động cơ bị ngập nước
IV	Trạm bơm Mò Ó			3.500	0	100	1.125,0	
1	Trạm bơm Mò Ó	Huyện Đakrông		3.500		100	1.125,0	- Bồi lấp hoàn toàn kênh dẫn, bê hủ, nhà trạm; sạt mái tấm lát
V	Hệ thống Trục Kính			2.600	0	260	1.300,0	
1	Kênh chính	Huyện Gio Linh	K0+180 - K2+890, K4+560 - K6+960, K9+380 - K10+850	2.000		200	1.000,0	- Sạt mái trong, mái ngoài kênh 23 vị trí, với tổng chiều dài L=700m (K0+180, K0+230, K0+300, K0+645, K0+700, K0+720, K0+940, K1+005, K1+020, K2+020, K2+030, K0+040, K2+050, K2+200, K2+880, K4+565, K4+820, K4+910, K5+080, K6+645, K6+940, K9+380, K10+700) - Bồi lấp lòng kênh với tổng chiều dài L=700m (K2+180 - K2+530, K4+900 - K5+250)
2	Kênh N2	Huyện Gio Linh	K1+500 - K3+360	500		50	250,0	- Sạt mái ngoài kênh 08 vị trí, với tổng chiều dài L=80m (K1+635, K1+670, K2+120, K2+330, K2+360, K2+380, K3+345, K3+350) - Bồi lấp lòng kênh với tổng chiều dài L=1.000m (K1+500 - K2+500)
3	Kênh N14-2	Huyện Gio Linh	K0+900	100		10	50,0	- Sập tường kênh, L=10m
VI	Hệ thống Hà Thượng			200	0	0	180,0	
1	Kênh N2 - Gio Quang	Huyện Gio Linh	K0 - K0+400	200			50,0	- Bồi lấp lòng kênh L=400m
2	Trạm bơm Bến Ngự	Huyện Gio Linh					50,0	- 01 trụ điện bị đổ ngã
3	Trạm bơm Tân Minh	Huyện Gio Linh					30,0	- 02 động cơ điện, máy bơm và 03 Aptomat tổng bị ngập nước
4	Trạm bơm Nhi Hạ	Huyện Gio Linh					30,0	- 02 máy bơm và 03 Aptomat tổng bị ngập nước
5	Trạm bơm Thủy Khê	Huyện Gio Linh					20,0	- 02 động cơ điện bị ngập nước
VII	Hệ thống Phú Dạng			160	0	20	90,0	
1	Kênh N1	Huyện Gio Linh	K1+200	160		20	90,0	- Tường và đáy kênh bị sập, với chiều dài L=10m
VIII	Hệ thống Kính Môn			620	0	190	650,0	

TT	Danh mục công trình	Địa điểm	Vị trí	Khối lượng			Kinh phí (106 đồng)	Mô tả tình trạng hư hỏng công trình
				Đất (m ³)	Đá (m3)	Bê tông (m ³)		
1	Kênh N1	Huyện Gio Linh	K0+560	500		150	500,0	Sập lung cống tiêu dưới kênh
2	Kênh N1-5	Huyện Gio Linh	K0+200-K0+400	120		40	130,0	- Sập tường kênh 05 vị trí với tổng chiều dài L=50m
3	Trạm bơm Xuân Long	Huyện Gio Linh					10,0	- 01 động cơ điện bị ngập nước
4	Trạm bơm Kinh Môn	Huyện Gio Linh					10,0	- 01 động cơ điện bị ngập nước
IX	Hệ thống La Ngà			0	0	0	100,0	
1	Trạm bơm Tiên Lai	Huyện Vĩnh Linh					50,0	- 02 động cơ và máy bơm bị ngập nước, hư hỏng ống hút, ống xả - Mái nhà, cửa đi, cửa sổ bị hư hỏng
2	Trạm bơm Tiên Lai 2	Huyện Vĩnh Linh					10,0	- 01 động cơ và máy bơm bị ngập nước.
3	Trạm bơm Lâm Cao	Huyện Vĩnh Linh					10,0	- 01 động cơ và máy bơm bị ngập nước.
4	Trạm bơm Phan Hiền 1 (N2-1)	Huyện Vĩnh Linh					10,0	- 01 động cơ và máy bơm bị ngập nước, hư hỏng ống hút, ống xả
5	Trạm bơm Phan Hiền 2 (N2-3)	Huyện Vĩnh Linh					10,0	- 01 động cơ và máy bơm bị ngập nước, hư hỏng ống hút, ống xả
6	Trạm bơm Phan Hiền 3 (N2-5)	Huyện Vĩnh Linh					10,0	- 01 động cơ và máy bơm bị ngập nước, hư hỏng ống hút, ống xả
X	Hệ thống Bảo Đài			0	0	0	30,0	
1	Trạm bơm Tân Mỹ	Huyện Vĩnh Linh					30,0	- 03 động cơ và máy bơm bị ngập nước.
XI	Hệ thống Bàu Nhum			5.500	0	0	1.375,0	
1	Kênh chính	Huyện Vĩnh Linh	K5+200 - K8+200	5.500			1.375,0	- Vỡ bờ kênh 06 vị trí với tổng chiều dài L=40m (K5+200, K5+750, K7+300, K7+900, K8+940, K8+150) - Bồi lấp lòng kênh L=3.000m
B	Các công trình do đại phương quản lý						34.900,0	
I	Huyện Hướng Hóa						6.500,0	
1	Hệ thống thủy lợi thôn Ruộng - Xa Re	Xã Hướng Tân	Thôn Xa Re, xã Hướng Tân	5.000	-	50	5.000,0	Bị sạt lở nhiều đoạn nghiêm trọng, hệ thống mương hư hỏng nặng, cuốn trôi nhiều đoạn đường ống, đất bồi đắp dâng chứa nước đầu nguồn gần hoàn toàn, không có khả năng tưới cho 25 ha lúa (Xa Re 20 ha; Ruộng 05 ha)
2	Hồ Bán Cua, xã Hướng Tân	Thôn Cua, xã Hướng Tân	Thôn Cua, xã Hướng Tân	10.000	-	-	1.500,0	Hiện nay lồng hồ bị bồi lấp gần 50% diện tích, về mặt lâu dài dài nếu không khắc phục sẽ không có khả năng tưới cho khoảng 20 ha lúa.
II	Huyện Đakrông						1.500,0	

TT	Danh mục công trình	Địa điểm	Vị trí	Khối lượng			Kinh phí (106 đồng)	Mô tả tình trạng hư hỏng công trình
				Đất (m ³)	Đá (m3)	Bê tông (m ³)		
1	Thủy lợi Kỳ Xay, xã A Ngo	A Ngo	A Ngo	50		20	300,0	Thượng lưu bị bồi lấp khối lượng lớn 1000m ³ , tuyến ống bị định chuyển khỏi bị tri ban đầu hệ thống mố đờ bị trôi, tuyến ống bị trôi 12m ống phi 350
2	Thủy lợi Pí Ray thôn A Đàng, xã Tà Rụt	Tà Rụt	Tà Rụt	40		30	200,0	Thượng lưu bị bồi lấp khối lượng lớn 1200m ³ , hệ thống kênh mương bị bồi lấp 300m ³ , kênh mương nội đồng bị đứt gãy 120m
3	Thủy lợi Pa Cha, Xã Tà Long	Tà Long	Tà Long	100		80	1.000,0	Thượng lưu đập dâng bị bồi lấp 500m ³ , Rò rỉ các tuyến ống, nắp chắn cát, chân đập xói mòn
III	Huyện Cam Lộ						2.750,0	
1	Thay mới các trạm bơm Dội 7, Bầu Miếu, Phố Lại						350,0	Máy bơm bị hư hỏng do ngập nước lâu ngày
2	NCSC kênh Mệ Hệ thôn An Bình	Thanh An	Thanh An	50		25	250,0	Kênh bị bồi lấp, cuốn trôi
3	NCSC kênh N6-8 Trục Kinh	Thanh An	Thanh An	250		50	800,0	Kênh bị bồi lấp, cuốn trôi
4	NCSC kênh thôn Tam Hiệp	Cam Thủy	Cam Thủy	25		10	250,0	Kênh bị bồi lấp, cuốn trôi
5	NCSC kênh hồ Đá Lã	Cam Hiếu	Cam Hiếu	150		45	800,0	Kênh bị bồi lấp, cuốn trôi
6	NCSC kênh Hiếu Bắc	Cam Hiếu	Cam Hiếu	50		25	300,0	Kênh bị bồi lấp, cuốn trôi
IV	Huyện Vĩnh Linh						7.300,0	
1	Nâng cấp, sửa chữa Đập Khe Nậy	Hiên Thành	Hiên Thành	50		150	1.000,0	Đập bị bồi lấp thượng lưu, xói lở hạ lưu, bồng tróc bề tổng mặt đập và kênh mương
2	Nâng cấp, sửa chữa kênh và công trình trên kênh thôn Hòa Bình, Đơm Thạnh, Linh Đơn	Vĩnh Hòa	Vĩnh Hòa	45		100	6.000,0	Kênh mương bị cuốn trôi, bồi lấp, sạt lở, đứt gãy
3	Nạo vét, sửa chữa, nâng cấp đập Khe Tâm	Kim Thạch	Kim Thạch	50		45	300,0	
V	Huyện Gio Linh						2.000,0	
1	Khắc phục sửa chữa khẩn cấp 06 đập dâng	Xã Gio Châu	Xã Gio Châu	150	100	200	1.000,0	Do lũ lụt đã bị sạt lở, hư hỏng, không đảm bảo vận hành phục vụ tưới. Sửa chữa khẩn cấp đảm bảo sản xuất trong vụ Đông Xuân 2020-2021
2	Khắc phục khẩn cấp đập dâng Cửa Dinh	Thị trấn Gio Linh	Thị trấn Gio Linh	150	120	120	1.000,0	Do lũ lụt hiện nay đã bị sạt lở, sập tường, trụ pin, phai dòng mớ... Cần thiết phải khắc phục khẩn cấp để phục vụ sản xuất trong vụ Đông Xuân 2020-2021
VI	Huyện Triệu Phong						11.400,0	
1	Sửa chữa 02 cầu máng (HTX Nại Cửu, HTX Nhan Biều)	Xã Triệu Thượng	HTX Nại Cửu và Nhan Biều			150	1.200,0	Cầu máng HTX Nhan Biều bị gãy, sập hoàn toàn với chiều dài cầu máng 25m, hiện trạng cầu máng KT(40x50)cm. Cầu máng HTX Nại Cửu bị hư hỏng thùng máng và mố 2 bên cầu máng
2	Sửa chữa các trạm bơm tưới phục vụ sản xuất	các xã bị thiệt hại trên địa bàn huyện	các xã bị thiệt hại trên địa bàn huyện				6.000,0	Có 15 trạm bơm bị hư hỏng nặng nề các hạng mục của trạm bơm như: nhà trạm, bể hút, bể xả, thiết bị nhà trạm... bị gãy đổ, sạt lở, hư hỏng nặng nề.

Phụ lục 01b
CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH CÁN KHÁC PHỤC SỬA CHỮA

STT	Loại công trình	Địa điểm	Nhiệm vụ	Hiện trạng hư hỏng do thiên tai	Sự cần thiết phải xử lý	Dự kiến biện pháp khắc phục	Ước tính kinh phí (Triệu đồng)	Năm dự kiến hoàn thành
A	Các công trình do Công ty TNHH MTV Quản lý, khai thác công trình thủy lợi quản lý				Xử lý cấp bách để kịp thời cấp nước phục vụ sản xuất	Sửa chữa	14.775,0	
I	Hệ thống Nam Thạch Hãn		Tưới cho 14.300ha lúa				8.140,0	
1	Trần xả lũ	TX Quảng Trị		Mái Taluy, sân tiêu năng phía bờ Bắc bị cuốn trôi với diện tích 1.650m ² , phía bờ nam bị cuốn trôi 50m ²			40,0	2021
2	Kênh N2B	Huyện Hải Lăng, TX Quảng Trị		Sạt lở mái kênh, bờ kênh 09 vị trí với chiều dài L=470m (từ K0+990 - K3+420)			450,0	2021
3	Kênh N4	Huyện Hải Lăng, TX Quảng Trị		- Sạt lở mái kênh, bờ kênh 21 vị trí với tổng chiều dài L=670m - Bồi lấp lòng kênh 02 vị trí L=2.400m (K0+030 - K1+950, K3+540 - K5+800, K6+00 - K8+030, K9+300 - K9+320)			800,0	2021
4	Kênh N6	Huyện Triệu Phong, Hải Lăng		- Sạt lở mái kênh, bờ kênh 14 vị trí với tổng chiều dài L=1.730m (K2+590 - K2+960, K4+00 - K5+00, K7+300 - K7+520, K9+200 - K9+670, K13+00 - K13+100)			750,0	2021
5	Kênh N3	Huyện Triệu Phong		- Sạt lở mái kênh, bờ kênh 20 vị trí với tổng chiều dài L=320m - Bồi lấp lòng kênh L=6.560m (K0+00 - K10+450)			1.750,0	2021
6	Kênh VC N1-A1	Huyện Triệu Phong		- Sạt lở bờ kênh 01 vị trí với chiều dài L=10m - Vỡ tường kênh 03 vị trí với tổng chiều dài L=20m			75,0	2021
7	Kênh VC N4-B2	Huyện Triệu Phong		- Sạt lở bờ kênh 06 vị trí với tổng chiều dài L=30m			50,0	2021
8	Kênh VC N0-6	Huyện Triệu Phong		- Sạt lở bờ kênh, hư hỏng tường kênh L=20m			75,0	2021
9	Kênh N1-8	Huyện Triệu Phong		- Sạt lở mái kênh 01 vị trí với chiều dài L=10m - Vỡ bờ kênh 05 vị trí chiều dài L=20m			100,0	2021
10	Kênh N1-9C	Huyện Triệu Phong		- Sạt lở mái kênh, bờ kênh 05 vị trí với tổng chiều dài L=50m			50,0	2021
11	Kênh N1-11A	Huyện Triệu Phong		- Hư hỏng tường kênh L=570m			800,0	2021
12	Kênh N6-4C	Huyện Hải Lăng		- Bồi lấp lòng kênh L=100m			50,0	2021
13	Kênh N6-13A	Huyện Hải Lăng		- Sập tường kênh L=650m			900,0	2021
14	Cầu qua kênh trên kênh N1 và kênh N3	Huyện Triệu Phong		- 12 cầu bị bong tróc, hư hỏng bê tông dầm cầu, bần cầu			1.500,0	2021

STT	Loại công trình	Địa điểm	Nhiệm vụ	Hiện trạng hư hỏng do thiên tai	Sự cần thiết phải xử lý	Dự kiến biện pháp khắc phục	Ước tính kinh phí (Triệu đồng)	Năm dự kiến hoàn thành
15	Xi phông trên kênh N1	Huyện Triệu Phong		- Nứt, bong tróc bề tổng dân, trụ cầu công tác			250,0	2021
16	Kênh trạm bơm Phước Lễ	Huyện Triệu Phong		- Sạt lở mái kênh, bờ kênh 03 vị trí với tổng chiều dài L=20m (K0 - K1+854)			150,0	2021
17	Đập ngăn mặn Việt Yên	Huyện Triệu Phong		- Bồi lấp lòng kênh L=1.850m			350,0	2021
II	Hệ thống Triệu Thượng 1, 2		Tưới cho 180ha lúa	- Sạt mái tám lát, mái đá lát, sạt lở kênh tiêu	Xử lý để kịp thời cấp nước phục vụ sản xuất	Sửa chữa	400,0	
1	Kênh chính Triệu Thượng 1	Huyện Triệu Phong		- Sạt lở bờ kênh 07 vị trí với tổng chiều dài L=70m.			350,0	2021
2	Kênh chính Triệu Thượng 2	Huyện Triệu Phong		- Bồi lấp lòng kênh 02 vị trí với tổng chiều dài L=2.060m. - Sạt lở bờ kênh 04 vị trí với tổng chiều dài L=30m. - Bồi lấp lòng kênh chiều dài L=2.250m			50,0	2021
III	Hệ thống Ái Tử		Tưới cho 1.040ha lúa		Xử lý để kịp thời cấp nước phục vụ sản xuất		100,0	
1	Kênh N8	Huyện Triệu Phong		- Bồi lấp lòng kênh L=250m			50,0	2021
2	Kênh N4-7	Huyện Triệu Phong		- Sạt lở mái ngoài kênh L=100m			25,0	2021
3	Kênh N4-8	Huyện Triệu Phong		- Sạt lở mái kênh 01 vị trí L=10m. - Vỡ bờ kênh 01 vị trí L=10m			25,0	2021
IV	Hệ thống Nghĩa Hy		Tưới cho 350ha lúa		Xử lý để kịp thời cấp nước phục vụ sản xuất		500,0	
1	Kênh chính	Huyện Cam Lộ		- Sạt lở bờ kênh 01 vị trí L=10m (K0+380)			50,0	2021
2	Kênh N1	Huyện Cam Lộ		- Sạt lở mái kênh, bờ kênh, mặt tràn băng 05 vị trí với tổng chiều dài L=260m. - Bồi lấp lòng kênh L=240m (K0+690 - K1+440)			450,0	2021
V	Hệ thống Đá Mài - Tân Kim - Trạm bơm Cam Lộ		Tưới cho 1.310ha lúa		Xử lý để kịp thời cấp nước phục vụ sản xuất		2.675,0	
1	Trạm xả lũ Đá Mài	Huyện Cam Lộ		- Kênh dẫn dòng bờ hữu bị sạt lở L=100m, bờ tả bị sạt lở L=25m (K0+030 - K0+130, K0+220- K0+245)			450,0	2021
2	Kênh chính Đá Mài	Huyện Cam Lộ		- Bồi lấp lòng kênh 04 vị trí với tổng chiều dài L=2.050m.			400,0	2021
3	Kênh chính trạm bơm Cam Lộ	Huyện Cam Lộ		- Mái cadocon thượng lưu cầu măng bờ hữu tại K3+380 bị sạt lở			1.250,0	2021
4	Kênh N4 trạm bơm Cam Lộ	Huyện Cam Lộ		- Bồi lấp lòng kênh L=5.000m - Sạt tường kênh 03 vị trí với tổng chiều dài L=280m			575,0	2021
VI	Hệ thống Trúc Kinh		Tưới cho 2.350ha lúa		Xử lý để kịp thời cấp nước phục vụ sản xuất		200,0	

STT	Loại công trình	Địa điểm	Nhiệm vụ	Hiện trạng hư hỏng do thiên tai	Sự cần thiết phải xử lý	Dự kiến biện pháp khắc phục	Ước tính kinh phí (Triệu đồng)	Năm dự kiến hoàn thành
1	Kênh N4	Huyện Gio Linh		- Sạt mái kênh, bờ kênh 03 vị trí, với tổng chiều dài L=30m			50,0	2021
2	Kênh N14	Huyện Gio Linh		- Bồi lấp lòng kênh L=400m			75,0	2021
3	Kênh N4-2	Huyện Gio Linh		- Sạt bờ kênh 02 vị trí, với tổng chiều dài L=10m			25,0	2021
4	Kênh N0-13	Huyện Gio Linh		- Xói lở đáy kênh L=10m			50,0	2021
VII	Hệ thống Hà Thượng		Tưới cho 6800ha lúa				410,0	
1	Kênh chính	Huyện Gio Linh		- Sạt mái kênh 02 vị trí với tổng chiều dài L=20m (K0+770 - K2+100, K4+000 - K4+750, K7+00 - K8+00)			350,0	2021
3	Kênh N9-2	Huyện Gio Linh		- Bồi lấp kênh với tổng chiều dài L=2.150m. - Sạt hạ lưu cầu măng/kênh N9-2 (K0+320)			60,0	2021
VIII	Hệ thống Kinh Môn		Tưới cho 1.340ha lúa		Xử lý để kịp thời cấp nước phục vụ sản xuất		695,0	
1	Kênh chính	Huyện Gio Linh		- Sạt mái trong, mái ngoài kênh 02 vị trí, với tổng chiều dài L=30m			150,0	2021
2	Kênh N1	Huyện Gio Linh		- Sạt mái kênh, bờ kênh 06 vị trí, với tổng chiều dài L=100m			200,0	2021
3	Kênh N2	Huyện Gio Linh		- Sạt mái kênh, bờ kênh 07 vị trí, với tổng chiều dài L=200m. - Bồi lấp lòng kênh với tổng chiều dài L=1.000m			200,0	2021
4	Kênh N1-2	Huyện Gio Linh		- Sạt mái bờ kênh với chiều dài L=25m			30,0	2021
5	Kênh N1-3	Huyện Gio Linh		- Sạt mái bờ kênh với chiều dài L=20m			20,0	2021
6	Kênh N1-4	Huyện Gio Linh		- Sạt mái bờ kênh với chiều dài L=20m			20,0	2021
7	Trạm bơm Xuân Long			- Sạt lở mái trong bề hút, nhà quản lý bị bồi lấp. - 01 động cơ điện bị ngập nước			75,0	2021
IX	Hệ thống La Ngà		Tưới cho 1.900ha lúa		Xử lý để kịp thời cấp nước phục vụ sản xuất		875,0	
1	Kênh chính	Huyện Vĩnh Linh		- Sạt mái trong kênh 02 vị trí, với tổng chiều dài L=60m.			300,0	2021
2	Kênh N1	Huyện Vĩnh Linh		- Bồi lấp lòng kênh L=750m			75,0	2021
3	Kênh N2	Huyện Vĩnh Linh		- Bồi lấp lòng kênh L=650m - Bồi lấp lòng kênh L=4.130m			500,0	2021
X	Hệ thống Bảo Đài				Xử lý để kịp thời cấp nước phục vụ sản xuất		780,0	
1	Kênh chính	Huyện Vĩnh Linh		- Sạt lở mái kênh 01 vị trí với chiều dài L=200m. - Bồi lấp lòng kênh 02 vị trí với tổng chiều dài L=2.800m.			530,0	2021

STT	Loại công trình	Địa điểm	Nhiệm vụ	Hiện trạng hư hỏng đo thiên tại	Sự cần thiết phải xử lý	Dự kiến biện pháp khắc phục	Ước tính kinh phí (Triệu đồng)	Năm dự kiến hoàn thành
2	Kênh N15	Huyện Vĩnh Linh		- Bồi lấp lòng kênh 02 vị trí với tổng chiều dài L=2.000m.			250.0	2021
B	Các công trình đo địa phương quản lý						154.700.0	
I	Huyện Hướng Hóa						26.500.0	
1	Đập thủy lợi thôn Tân Xuyên	Xã Tân Hợp	Tưới 10 ha	Sạt lở với chiều dài 10m	Đảm bảo an toàn hồ đập và cấp nước sản xuất	Nâng cấp đập và KCH kênh mương	2.500.0	2021
2	Hệ thống thủy lợi thôn Lương Lễ	Xã Tân Hợp	Tưới 5 ha	Đất đá bồi lấp hồ Lương Lễ	Đảm bảo an toàn hồ đập và cấp nước sản xuất	Nâng cấp đập và KCH kênh mương	1.000.0	2021
3	Công trình thủy lợi thôn Trảng	Xã Hướng Việt	Tưới 12 ha	Bị cuốn trôi hoàn toàn	Đảm bảo an toàn hồ đập và cấp nước sản xuất	Nâng cấp đập và KCH kênh mương	2.000.0	2021
4	Công trình thủy lợi thôn Chénh Vénh	Xã Hướng Phùng	Tưới 6 ha	Bị cuốn trôi 80m đường ống sắt dẫn nước và sạt lở một số điểm	Đảm bảo an toàn hồ đập và cấp nước sản xuất	Nâng cấp đường ống	1.500.0	2021
5	Hệ thống kênh mương thôn Hướng Chóa	Xã Hướng Phùng	Tưới 5 ha	Bị cuốn trôi hơn 30m	Đảm bảo cấp nước sản xuất	KCH kênh mương	1.000.0	2021
6	Công trình thủy lợi thôn Tân Tài	Xã Tân Lập	Tưới 15 ha	Bị hư hỏng công trình	Đảm bảo an toàn hồ đập và cấp nước sản xuất	Nâng cấp đập và KCH kênh mương	2.000.0	2021
7	Hồ Thôn Cua	Xã Hướng Tân	Tưới 6 ha	Bị vùi lấp lòng hồ, kênh bị bồi	Đảm bảo an toàn hồ đập và cấp nước sản xuất	Nạo vét lòng hồ, KCH kênh mương	2.000.0	2021
8	Công trình thủy lợi Làng Váy	Xã Tân Long	Tưới 5 ha	Bị hư hỏng hoàn toàn	Đảm bảo an toàn hồ đập và cấp nước sản xuất	Nâng cấp đập và KCH kênh mương	2.000.0	2021
9	Công trình thủy lợi ta Rừng 1,2	Xã Hướng Việt	Tưới 20 ha	Kênh mương bị hư hỏng 1,5 km	Cấp nước sản xuất	KCH kênh mương	2.500.0	2021
10	Công trình thủy lợi Lĩa	Xã Lĩa	Tưới 20 ha	Kênh mương bị hư hỏng 2km	Cấp nước sản xuất	KCH kênh mương	2.500.0	2021
11	Công trình thủy lợi Tân Sơn	Xã Tân Lập	Tưới 6 ha	Sạt mại đập và hư hỏng công	Đảm bảo an toàn hồ đập và cấp nước sản xuất	Sửa mại, cống và KCHKM	2.000.0	2021
12	Hồ thủy lợi Khe Sanh	TT Khe Sanh	Tưới 5 ha	Bị vùi lấp lòng hồ, sạt lở nghiêm trọng	Đảm bảo an toàn hồ đập và cấp nước sản xuất	Nạo vét lòng hồ bị bồi, nâng cấp đập	2.000.0	2021
13	Hồ thủy lợi ban Mới	Xã Hướng Linh	Tưới 6 ha	Bị vùi lấp lòng hồ, sạt lở nghiêm trọng	Đảm bảo an toàn hồ đập và cấp nước sản xuất	Nạo vét lòng hồ bị bồi, nâng cấp kênh mương	1.500.0	2021
14	Đập dâng thôn Hoang	Xã Hướng Linh	Tưới 8 ha	Bồi lấp thượng lưu, vỡ kênh đất	Đảm bảo an toàn hồ đập và cấp nước sản xuất	Nạo vét lòng hồ bị bồi, nâng cấp kênh mương	1.000.0	2021
15	Đập dâng ban bù	Xã Tân Lập	Tưới 7 ha	Bồi lấp thượng lưu, vỡ kênh đất	Đảm bảo an toàn hồ đập và cấp nước sản xuất	Nạo vét lòng hồ bị bồi, nâng cấp kênh mương	1.000.0	2021
II	Huyện Đakrông						9.300.0	
1	Thủy lợi Kỳ Xay	Xã A Ngao	Tưới 7 ha	Bồi lấp thượng lưu, vỡ trời ống	Cấp nước phục vụ sản xuất	Nâng cấp đập, nạo vét thượng lưu, sửa chữa đường ống	700.0	2021
2	Thủy lợi Pí Ray thôn A Đàng	Xã Tạ Kut	Tưới 6 ha	Bị vùi lấp 100%	Cấp nước phục vụ sản xuất	Nâng cấp đập, nạo vét thượng lưu	700.0	2021
3	Thủy lợi Pa Cha	Xã Tạ Long	Tưới 5 ha	Rò rỉ các tuyến ống, nắp chắn cát, chắn đập nổi mòn	Cấp nước phục vụ sản xuất	Xử lý, thay đường ống	700.0	2021-2022
4	Thủy lợi Mac Lu	Xã Tạ Long	Tưới 6 ha	Vùi lấp đập đầu nguồn, ống sắt bị vùi lấp 100m	Cấp nước phục vụ sản xuất	Nâng cấp đập và thay đường ống	1.100.0	2021
5	Thủy lợi Tạ Lao	Xã Tạ Long	Tưới 4 ha	Vùi lấp đập đầu nguồn, ống sắt bị sập 50m	Cấp nước phục vụ sản xuất	Nâng cấp đập và thay đường ống	900.0	2021
6	Thủy lợi thôn Trại cá	Xã Tạ Long	Tưới 3 ha	Vùi lấp đập đầu nguồn	Cấp nước phục vụ sản xuất	Nâng cấp đập và kênh mương	900.0	2021
7	Thủy lợi thôn Tạ Lăng	Xã Đakrông	Tưới 5 ha	Hư hỏng mô đỡ, đứt gãy 5 điểm	Cấp nước phục vụ sản xuất	Nâng cấp đường ống	1.000.0	2021-2022

STT	Loại công trình	Địa điểm	Nhiệm vụ	Hiện trạng hư hỏng do thiên tai	Sự cần thiết phải xử lý	Dự kiến biện pháp khắc phục	Ước tính kinh phí (Triệu đồng)	Năm dự kiến hoàn thành
8	Thủy lợi Lăng Cát	Xã Dakrông	Tưới 6 ha	50m ống và 300m kênh bị trôi	Cấp nước phục vụ sản xuất	Nâng cấp đường ống, KCH kênh	600,0	2021
9	Thủy lợi Chính Hình - Khe Hà	Xã Hương Hiệp	Tưới 5 ha	Sạt lở trụ đỡ, tuyến ống 60m	Cấp nước phục vụ sản xuất	Nâng cấp đường ống, KCH kênh	500,0	2021
10	Hệ thống Thủy lợi thôn Khe Luồi	Xã MỎ Ô	Tưới 6 ha	Hư hỏng 200m	Cấp nước phục vụ sản xuất	Nâng cấp đường ống, KCH kênh	1.200,0	2021
11	Thủy lợi Nhà Triều, Khe Đùng, Khe Rọ	Xã Triều Nguyên	Tưới 10 ha	Lắp đầu nguồn, lắp tuyến kênh 750m	Cấp nước phục vụ sản xuất	Nâng cấp đập KCH kênh	1.000,0	2021
III	Huyện Cam Lộ						10.500,0	
1	Sửa chữa kênh mương nội đồng, xử lý mặt ruộng	Toàn bộ các xã trên địa bàn huyện Cam Lộ	Tưới 120 ha	Kênh mương nội đồng sạt lở, bồi lấp 15km; mặt ruộng bị bồi lấp 20ha.	Phục vụ kịp thời sản xuất vụ Đông Xuân 2020-2021	Sửa chữa, nạo vét 5km kênh; xử lý mặt ruộng bị bồi lấp 20ha	3.000,0	2021
2	Các đập đập tạm bị vỡ trôi	Các xã Cam Hiếu; Cam Nghĩa; Cam Chính; Thanh An	Tưới cho 100 ha	14 cái	Phục vụ kịp thời sản xuất vụ Đông Xuân 2020-2021	KCH đập tạm	4.500,0	2021
3	Trạm bơm bị ngập, hư hỏng	Cam Tuyền; Cam Hiếu	Tưới cho 70 ha	10 trạm bơm bị ngập và bồi lấp bề mặt	Phục vụ kịp thời sản xuất vụ Đông Xuân 2020-2021	Nạo vét bề mặt kênh dẫn dòng	2.000,0	2021
4	Khắc phục, sửa chữa đập Hoàn Cát	Xã Cam Nghĩa, huyện Cam Lộ		Trần bị sạt lở nặng, đập xuống cấp	Phục vụ kịp thời sản xuất vụ Đông Xuân 2020-2021	Sửa chữa tràn, gia cố thân đập	1.000,0	2021
IV	Huyện Hải Lăng						38.100,00	
1	Nâng cấp kênh tiêu thoát lũ Hải Trường	Xã Hải Trường	Bảo vệ sản xuất, kết hợp giao thông đi lại của người dân	Đê bằng đất bị sạt lở, cuốn trôi dài 3km	Do nước lũ cuốn trôi không còn khả năng bao vệ sản xuất và đi lại của người dân	Kiên cố hóa bằng bê tông 3 mặt	20.000,00	2021
2	Nâng cấp kênh tiêu thoát lũ Hải Quế -Hải Ba	Xã Hải Quế, Hải Ba	Bảo vệ sản xuất, kết hợp giao thông đi lại của người dân	Đê bằng đất bị sạt lở, cuốn trôi dài 2,3km	Do nước lũ cuốn trôi không còn khả năng bao vệ sản xuất và đi lại của người dân	Kiên cố hóa bằng bê tông 3 mặt	15.000,00	2021
3	Nâng cấp kênh tiêu thoát lũ Diên Khánh, Hải Dương	Xã Hải Dương	Bảo vệ sản xuất, kết hợp giao thông đi lại của người dân	Đê bằng đất bị sạt lở, cuốn trôi dài 0,8km	Do nước lũ cuốn trôi không còn khả năng bao vệ sản xuất và đi lại của người dân	Kiên cố hóa bằng bê tông 3 mặt	2.400,00	2021
4	Khôi phục công điều tiết Xuân Lộc	Xã Hải Chánh	Điều tiết nước tưới, tiêu bảo vệ sản xuất	Bị lũ cuốn trôi, hư hỏng	Điều tiết nước để phục vụ tưới tiêu	Xây dựng lại công điều tiết	700,00	2021
V	Huyện Triệu Phong						30.400,00	
1	Cải tạo, khôi phục đồng ruộng bị bồi lấp.	13 xã trên địa bàn huyện	Đảm bảo cao trình đồng ruộng phục vụ sản xuất có hiệu quả	Hiện nay 220 ha đất sản xuất đang bị bồi lấp do lũ gây ra với chiều dày đất sản xuất bị bồi lấp từ (0,2-1,2)m.	Cải tạo diện tích đã bị bồi lấp, Đảm bảo phục vụ sản xuất vụ Đông Xuân 2020-2021	San gạt, cải tạo và xử lý lại mặt ruộng đã bị bồi lấp	7.200,00	2021

STT	Loại công trình	Địa điểm	Nhiệm vụ	Hiện trạng hư hỏng do thiên tai	Sự cần thiết phải xử lý	Dự kiến biện pháp khắc phục	Ước tính kinh phí (Triệu đồng)	Năm dự kiến hoàn thành
1	Kênh mương nội đồng	Xã Vĩnh Hòa	Đam bảo tưới	bồi lấp 18.000m	Sửa chữa khẩn cấp đảm bảo sản xuất trong vụ Đông Xuân 2020-2021	Sửa chữa các hư hỏng	7000,0	2021
2	Đập Khe Nây bị sạt lở nghiêm trọng, làm tràn cát vào ruộng.	Xã Hiền Thành	Đam bảo tưới	Đập bị sạt; kênh chính xói lở 1.500m	Sửa chữa khẩn cấp đảm bảo sản xuất trong vụ Đông Xuân 2020-2021	Sửa chữa các hư hỏng	1000,0	2021
3	Mương Nội, mương Trố Sông	Xã Hiền Thành	Đam bảo tưới	sạt lở 500m	Sửa chữa khẩn cấp đảm bảo sản xuất trong vụ Đông Xuân 2020-2021	Sửa chữa các hư hỏng	500,0	2021
4	Bờ vùng đầu ứng	Xã Vĩnh Giang	Đam sản xuất cho 200 ha	sạt lở toàn bộ bờ vùng, 2.300m	Sửa chữa khẩn cấp đảm bảo sản xuất trong vụ Đông Xuân 2020-2021	Sửa chữa các hư hỏng	500,0	2021
5	Mương Môn Hạ bị vùi lấp 170m	Xã Vĩnh Giang	Đam bảo tưới 12 ha	Đam bảo tưới	Sửa chữa khẩn cấp đảm bảo sản xuất trong vụ Đông Xuân 2020-2021	Sửa chữa các hư hỏng	200,0	2021
6	Kênh Ruộng Phường	Xã Vĩnh Giang	Đam bảo tưới 10 ha	sạt lở 300m	Sửa chữa khẩn cấp đảm bảo sản xuất trong vụ Đông Xuân 2020-2021	Sửa chữa các hư hỏng	200,0	2021
7	Kênh Mương Cát	Xã Vĩnh Giang	Đam bảo tưới 10 ha	Bị bồi lấp 650m	Sửa chữa khẩn cấp đảm bảo sản xuất trong vụ Đông Xuân 2020-2021	Sửa chữa các hư hỏng	300,0	2021
8	Kênh mương nội đồng	Xã Trung Nam	Đam bảo tưới 20 ha	Bị sạt lở, bồi lấp 3.680m; Công bị trôi 02 cái	Sửa chữa khẩn cấp đảm bảo sản xuất trong vụ Đông Xuân 2020-2021	Sửa chữa các hư hỏng	3000,0	2021
9	Trạm bơm	Xã Trung Nam	Đam bảo tưới 15 ha	Bị ngập và hỏng	Sửa chữa khẩn cấp đảm bảo sản xuất trong vụ Đông Xuân 2020-2021	Sửa chữa các hư hỏng	300,0	2021
VIII	TP Đông Hà						4500,0	
1	Kênh mương HTX Đông Giang 1.	Phường Đông Giang	Đam bảo tưới 20 ha	Hư hỏng 400 m	Sửa chữa khẩn cấp đảm bảo sản xuất trong vụ Đông Xuân 2020-2021	Sửa chữa các hư hỏng	400,0	2021
2	Kênh mương HTX Đông Giang 2.	Phường Đông Giang	Đam bảo tưới 30 ha	Hư hỏng 2000 m	Sửa chữa khẩn cấp đảm bảo sản xuất trong vụ Đông Xuân 2020-2021	Sửa chữa các hư hỏng	1200,0	2021
3	Kênh mương HTX Đại Áng vùng Tre 1, vùng mương đồng trong, vùng cạnh chùa	Phường Đông Giang	Đam bảo tưới 40 ha	Hư hỏng 900 m	Sửa chữa khẩn cấp đảm bảo sản xuất trong vụ Đông Xuân 2020-2021	Sửa chữa các hư hỏng	700,0	2021
4	Kênh mương HTX Lai Phước vùng dãi cao	Phường Đông Giang	Đam bảo tưới 20 ha	Hư hỏng 400 m	Sửa chữa khẩn cấp đảm bảo sản xuất trong vụ Đông Xuân 2020-2021	Sửa chữa các hư hỏng	300,0	2021
5	Kênh mương HTX Lai Phước trạm bơm	Phường Đông Giang	Đam bảo tưới 18ha	Hư hỏng 500 m	Sửa chữa khẩn cấp đảm bảo sản xuất trong vụ Đông Xuân 2020-2021	Sửa chữa các hư hỏng	400,0	2021
6	Kênh mương đất (cấp 1, cấp 2) bị sạt lở	Phường Đông Giang	Đam bảo tưới 15ha	Hư hỏng 2000 m	Sửa chữa khẩn cấp đảm bảo sản xuất trong vụ Đông Xuân 2020-2021	Sửa chữa các hư hỏng	600,0	2021
7	Kênh mương nội đồng bằng đất bị cát lấp HTX Vĩnh Phước	Phường Đông Giang	Đam bảo tưới 10ha	Hư hỏng 110 m	Sửa chữa khẩn cấp đảm bảo sản xuất trong vụ Đông Xuân 2020-2021	Sửa chữa các hư hỏng	100,0	2021

STT	Loại công trình	Địa điểm	Nhiệm vụ	Hiện trạng hư hỏng do thiên tai	Sự cần thiết phải xử lý	Dự kiến biện pháp khắc phục	Ước tính kinh phí (Triệu đồng)	Năm dự kiến hoàn thành
8	Hư hỏng kênh mương nội đồng khu phố 1,	Phường Đồng Thanh	Đảm bảo tưới 14ha	Hư hỏng 1750 m	Sửa chữa khẩn cấp đảm bảo sản xuất trong vụ Đông Xuân 2020-2021	Sửa chữa các hư hỏng	800,0	2021
IX	Thị xã Quảng Trị						4.200,0	
1	Kênh mương nội đồng	Xã Hải Lệ	Phục vụ tưới 222 ha đất lúa	13,25 km kênh mương bị sạt lở, vỡ, cuốn trôi, vùi lấp	Phục vụ tưới 222 ha lúa đông xuân	Nâng cấp, sửa chữa xây mới tuyến kênh	4.000,0	2021
2	Đường ống thủy lợi Bầu Hà, Kênh mương nội đồng Nhà Giã	Khu phố 1, phường An Đồn	Cấp nước sản xuất	0,1 km đường ống tại đồng Bầu Hà bị vỡ và cuốn trôi, 150 mét tuyến kênh mương đất bị cuốn trôi hoàn toàn.	Cần xây lắp lại để phục vụ trồng lúa trong mùa tới	Xây dựng lại hệ thống kênh mương và đường ống dẫn nước	200,00	2021
C	Hệ thống đê, kè						463.000,0	
I	Huyện Cam Lộ						9.500,0	
1	Kè chống xói lở bờ sông Hiếu	Các xã Cam Thủy, Cam Hiếu, Cam Tuyên và thị trấn Cam Lộ, huyện Cam Lộ	Bảo vệ sản xuất, kết hợp giao thông đi lại của người dân	Sạt, xói lở bờ sông nghiêm trọng, với chiều dài trên 5km làm mất đất ở, đất sản xuất và cơ sở hạ tầng; nguy cơ cao ảnh hưởng đến trên 300 hộ dân	Nguy hiểm đến tính mạng, nhà cửa và tài sản cho 300 hộ dân; mất đất ở, đất sản xuất và cơ sở hạ tầng	Đầu tư xây dựng kè gia cố khoảng 3km các đoạn xung yếu để chống xói lở	5.000,0	2020-2021
2	Kè chống xói lở thôn Trúc Kinh	Xã Thanh An, huyện Cam Lộ		Xói lở nặng với chiều dài gần 1km	Nguy hiểm đến tính mạng, nhà cửa và tài sản cho 10 hộ dân, chưa Trúc Kinh, mất đất ở, đất sản xuất và cơ sở hạ tầng	Xây dựng kè gia cố khoảng 1km để chống xói lở	4.500,0	2020
II	Huyện Hải Lăng						30.700,00	
1	Sửa chữa đê Hải Trường	Xã Hải Trường	Bảo vệ sản xuất, kết hợp giao thông đi lại của người dân	Bị xói lở mái đê, chân đê dài 1.200m	Do mưa lũ đã gây xói lở nặng mái đê và chân đê làm nguy cơ vỡ đê trong những đợt mưa lũ tiếp theo	Gia cố lại chân đê, lát lại mái đê bị cuốn trôi	5.000,00	2021
2	Sửa chữa đê Hải Thanh	xã Hải Định	Bảo vệ sản xuất, kết hợp giao thông đi lại của người dân	Bị xói lở nứt gãy mặt đê 500m	Do nước lũ tràn qua gây xói lở nứt gãy mặt đê, nguy cơ vỡ đê trong những đợt mưa lũ tiếp theo	Nâng cấp lại mặt đê	700,00	2021
3	Sửa chữa đê Mai Lĩnh	xã Hải Phong	Bảo vệ sản xuất, kết hợp giao thông đi lại của người dân	Bị xói lở mái đê, chân đê, nứt gãy mặt đê dài 700m	Do mưa lũ đã gây xói lở nặng mái đê, chân đê, nứt gãy mặt đê nguy cơ vỡ đê trong những đợt mưa lũ tiếp theo	Gia cố lại chân đê, nâng cấp lại mặt đê	7.000,00	2021
4	Nâng cấp đê bao Hải Trường - Hải Sơn	xã Hải Trường, Hải Sơn	Bảo vệ sản xuất, kết hợp giao thông đi lại của người dân	Đê bằng đất bị xói lở, cuốn trôi dài 6km	Do nước lũ cuốn trôi không còn khả năng bảo vệ sản xuất và đi lại của người dân	Kiên cố hóa tuyến đê bằng bê tông 3 mét	18.000,00	2021-2022
III	Huyện Triệu Phong						113.000,00	

STT	Loại công trình	Địa điểm	Nhiệm vụ	Hiện trạng hư hỏng do thiên tai	Sự cần thiết phải xử lý	Dự kiến biện pháp khắc phục	Ước tính kinh phí (Triệu đồng)	Năm dự kiến hoàn thành
1	Kè chống xói lở khẩn cấp sông Thạch Hãn (các đoạn bị xói lở nặng qua xã Triệu Độ, Triệu Phước, Triệu Thuận, Triệu Thượng và thị trấn Ai Tử)	Đoạn bị xói lở nặng qua xã Triệu Độ, Triệu Phước, Triệu Thuận, Triệu Thượng và thị trấn Ai Tử	Bảo vệ nhà dân, sản xuất, kết hợp giao thông đi lại của người dân	Bị xói lở mái đê gây sạt mái đê, mất đi một số điểm bị gãy, tổng chiều dài các đoạn khoảng 5,5 km	Do nước lũ cuốn trôi không còn khả năng bảo vệ nhà dân, đất sản xuất, công trình tâm linh và đường giao thông đi lại của người dân	Nâng cấp, sửa chữa	55.000,00	2020
2	Kè chống xói lở khẩn cấp sông Vĩnh Định (Đoạn qua các xã Triệu Hoa, Triệu Tân, Triệu Đại)	Đoạn qua các xã Triệu Hoa, Triệu Tân, Triệu Đại	Bảo vệ sản xuất, kết hợp giao thông đi lại của người dân	Bị xói lở mái đê gây sạt mái đê, mất đi một số điểm bị gãy, tổng chiều dài các đoạn khoảng 5,7 km	Do nước lũ cuốn trôi không còn khả năng bảo vệ sản xuất và đi lại của người dân	Nâng cấp, sửa chữa	57.000,00	2021
3	Khắc phục sạt lở Đê, Kè đoạn qua các xã Triệu An, Triệu Văn	Đoạn qua các xã Triệu An, Triệu Văn	Bảo vệ sản xuất, kết hợp giao thông đi lại của người dân	Bị xói lở mái đê gây sạt mái đê, mất đi một số điểm bị gãy, tổng chiều dài các đoạn khoảng 0,3 km	Do nước lũ cuốn trôi không còn khả năng bảo vệ sản xuất và đi lại của người dân	Nâng cấp, sửa chữa	1.000,00	2021
III	Huyện Gio Linh						144300,0	
2	Kè khẩn cấp bờ hữu Bến Hải đoạn qua xã Trung Sơn	thôn Bến Hải, xã Trung Sơn	Đảm bảo an toàn tại sản, tính mạng cho 685 hộ dân sinh sống dọc theo bờ hữu sông Bến Hải	Bờ sông chưa được gia cố, hiện tại bị sạt lở mạnh, có nơi vào sát nhà dân gần 2m, uy hiếp cuộc sống của người dân.	Xây dựng kè kiên cố mái bờ sông qua đoạn sạt lở để đảm bảo an toàn cho người dân và tuyến đường T100	Kiên cố hóa bằng kè bê tông, với tổng chiều dài 2,5km	30000,0	2021-2022
3	Kè chống xói lở khẩn cấp thôn Bạch Lộc, xã Trung Hải	thôn Bạch Lộc, xã Trung Hải	Đảm bảo an toàn cho trên 66 hộ dân/290 nhân khẩu	Hiện trạng bờ sông đoạn qua thôn Bạch Lộc mới gia cố được 100m đoạn còn lại khoảng 200m bằng đất bị sạt lở vào đến sát các hộ dân	Cần khắc phục khẩn cấp đảm bảo an toàn cho các hộ dân và tuyến đường giao thông	Kiên cố hóa mái bờ sông bằng kè bê tông với chiều dài gia cố 200m	1300,0	2021
4	Đê kè bờ tác sông Hiếu (Đoạn từ thôn Tân Xuân đến thôn Xuân Tiên xã Gio Việt)	xã Gio Việt	Đảm bảo an toàn tính mạng tại sản cho nhân dân và nhà nước	Xói mòn, sạt lở do đã xây dựng lâu năm và lũ lụt làm hư hỏng nặng	Khắc phục sạt lở, đảm bảo an toàn cho các khu dân cư	Khắc phục sửa chữa đoạn kè sạt lở dài 350m	3000,0	2021
5	Sửa chữa, khắc phục kè chống xói lở bờ tả sông Hiếu (đoạn qua xã Gio Quang)	thôn Quang Hạ, xã Gio Quang	Chống xói lở tuyến đê, ngăn nước xâm nhập vào nội đồng, phục vụ sản xuất nông nghiệp	Mái bờ sông đã bị sạt lở vào sản chân đê nếu không được gia cố tuyến đê có nguy cơ sẽ bị sạt lở, hư hỏng	Kè gia cố mái bờ sông bị sạt lở	Gia cố mái bờ sông bị sạt lở với chiều dài khoảng 1,5km	10000,0	2021

STT	Loại công trình	Địa điểm	Nhiệm vụ	Hiện trạng hư hỏng do thiên tai	Sự cần thiết phải xử lý	Dự kiến biện pháp khắc phục	Ước tính kinh phí (Triệu đồng)	Năm dự kiến hoàn thành
6	Xây dựng mới kè chắn sóng dọc bờ biển bãi tắm xã Gio Hải	xã Gio Hải	Bao vệ chống sạt lở dọc tuyến bờ biển, bảo vệ tính mạng, tài sản nhân dân và sản xuất nông nghiệp	Bị sạt lở do sóng đập, xâm thực sâu vào bờ khoảng 15 m xảy ra do đợt lũ ngày 8/10 đến nay	Do xâm thực sâu vào đất liền ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống, tính mạng và sản xuất nông nghiệp của người dân	Xây dựng mới kè chắn sóng 5,8km	100000,0	2021-2022
IV	Huyện Vĩnh Linh						11000,0	
1	Nâng cấp, sửa chữa đê Tả Bến Hải.	xã Hiền Thành	Bao vệ sản xuất và chống lũ nếu mãn, ngăn mặn giữ ngọt	bị sạt lở nghiêm trọng khoảng 2.000m	Ngăn mặn giữ ngọt, để bảo vệ sản xuất	Nâng cấp đê	10000,0	2021-2022
2	Đê cát bờ bao	Xã Vĩnh Tú	Bao vệ 10 ha	vỡ 200m, bị sạt lở 500m	Bao vệ sản xuất	Nâng cấp đê	1000	2020-2021
V	TP Đông Hà						6000,0	
1	Sạt lở bờ sông Hiếu	Phường 3	Bao vệ 50 hộ dân	Sạt 200m	Bao vệ dân cư	xây dựng mới	2000	2021
2	Sạt lở bờ sông Hiếu	đoạn khu phố 5 Phường Đông Giang	Bao vệ 200 hộ dân	Sạt 200m	Bao vệ dân cư	Nâng cấp sửa chữa	2000	2021
3	Sạt lở bờ sông Thạch Hãn	n vùng nuôi tôm Phục	Bao vệ 30 ha nuôi tôm	Sạt 500m	Bao vệ sản xuất	Nâng cấp sửa chữa	2000	2021
VI	Thị xã Quảng Trị						128500,0	
1	Sạt lở đất ở đất vườn và đường giao thông Nguyễn Hoàng	Thôn Như Lệ và Tân Mỹ xã Hải Lệ	Đảm bảo an toàn cho đất ở của 60 hộ dân, giao thông liên xã và Đập tràn	Chiều dài sạt lở đất ở tại thôn Như Lệ là 1,6 km, chiều rộng 5 - 15 mét, sâu 5 - 8 mét, gây nứt nẻ nhiều nhà dân; Chiều dài sạt lở dưới rân (thôn Tân Mỹ) 0,4 km tạo dòng chảy vào đất vườn	Anh hưởng trực tiếp đến nhà ở của 41 hộ dân, đường giao thông Nguyễn Hoàng và đập tràn.	Gia cố bằng kè cứng với chiều dài khoảng 2 km	60.000,00	2021-2022
2	Sạt lở đất sản xuất	Xã Hải Lệ	Bao vệ cho 100 ha đất sản xuất	Chiều dài sạt lở 3 km, có 10 ha đất bị cuốn trôi do thay đổi dòng chảy	Bao vệ cho 100 ha đất sản xuất, hạn chế sạt lở đất	Gia cố bằng đá học với chiều dài khoảng 3 km	45.000,00	2021-2022

STT	Loại công trình	Địa điểm	Nhiệm vụ	Hiện trạng hư hỏng do thiên tai	Sự cần thiết phải xử lý	Dự kiến biện pháp khắc phục	Ước tính kinh phí (Triệu đồng)	Năm dự kiến hoàn thành
3	Đất bãi bồi ven sông Thạch Hãn	Khu phố 1, Phường An Đôn	Diện tích đất sản xuất nông nghiệp, bảo vệ diện tích đất đai ở vùng sạt lở phường An Đôn	Bị sạt lở nặng dài 1,5 km, rộng từ 5 đến 40m	Bảo vệ diện tích đất ở, sản xuất nông nghiệp, tính mạng và của cải của nhân dân	Làm kè chống xói lở	22.500,00	2021-2022
4	Các Đê của các tuyến kênh NO2, NO3, NO5, Hóc Dung	Xã Hai Lê	Bảo vệ các tuyến kênh NO2, NO3, NO5, Hóc Dung	Bị sạt lở, cuốn trôi, sụt lún với chiều dài khoảng 2.088 mét	Bảo vệ các tuyến kênh NO2, NO3, NO5, Hóc Dung	Xây dựng, gia cố lại các tuyến đê	1.000,00	2020
VII	Huyện Hướng Hóa						20.000,00	
	Sạt lở bờ sông Sé Bằng Hiếng	Xã Hướng Lập	bao vệ dân cư	Sạt lở bờ sông lấn vào khu dân cư và đường giao thông	bảo vệ dân cư và đường giao thông	Xây dựng kè gia cố khoảng 1km để chống xói lở	20.000,00	2021
	TỔNG CỘNG						632.475,0	

Phụ lục 02
DỰ TOÁN NUÔI GÀ TỪ 01 NGÀY TUỔI ĐẾN 21 NGÀY TUỔI

Căn cứ chi phí lao động tiền lương và chi phí nguyên vật liệu tại thời điểm xây dựng dự toán;
Yêu cầu tỷ lệ úm sống và đạt tiêu chuẩn kỹ thuật gà giống từ 95% trở lên; ngân giống từ 90%.

Mục	Tiểu mục	Nội dung	ĐVT	Số lượng			Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Căn cứ
				Tổng	Trung ương hồ trợ	Tính hồ trợ			
		I. Chi phí con giống, vaccin và thuốc thú y - chỉ tính phần ngân sách tính hồ trợ						1.201.500.000	Bình quân 5.721 đồng/con
7000	7001	Giống gia cầm 1 ngày tuổi	Con	210.000	210.000	-		-	
7000	7001	Thức ăn hỗn hợp cho gà từ 1 ngày tuổi đến 21 tuổi theo định mức 0,7 kg/con tổng lượng 145.600 kg . Trung ương hồ trợ 60.000 kg còn 87.000 kg ngân sách tính hồ trợ	Kg	147.000	60.000	87.000	11.000	957.000.000	Căn cứ Phụ lục 4 tại Quyết định số 724/QĐ-BNN- KHCHN ngày 9/3/2020 của Bộ Nông nghiệp và PNTT
7000	7001	Vaccin Gumboro lần 1	liều	210.000	210.000	-		-	
7000	7001	Vaccin Newcastle	liều	210.000	210.000	-		-	
7000	7001	Vaccin Lasota lần 1	liều	210.000		210.000	250	52.500.000	
7000	7001	Vaccin đầu gà	liều	210.000		210.000	250	52.500.000	
7000	7001	Vaccin cúm gia cầm	liều	210.000		210.000	450	94.500.000	
7000	7001	Thuốc thú y các loại theo đơn giá 500 đ/con trong đó trung ương hồ trợ 60 triệu ngân sách tính 45 triệu đồng	Con	210.000	120.000	90.000	500	45.000.000	

		II. Chi phí thuê khoán, vật tư mau hỏng rẻ tiền và nguyên vật liệu							1.789.200.000	Bình quân 8.520 đồng/con
7000	7001	Chi phí dụng cụ, phụ tùng và vật rẻ tiền nhanh hỏng...	Con	210.000			210.000	220	46.200.000	Căn cứ thực tế theo giá thị trường và nhân công thuê mướn tại thời điểm triển khai
7000	7001	Chi phí thuê thiết bị và dụng cụ để úm gà	Con	210.000			210.000	2.500	525.000.000	
7000	7001	Chi phí gas, nhiên liệu và điện để thấp sáng và úm	Con	210.000			210.000	1.200	252.000.000	
6750	6757	Nhân công trực tiếp chăm sóc, theo dõi và tiêm chủng vắc xin cho đàn gà	Con	210.000			210.000	4.000	840.000.000	
6750	6757	Nhân công phụ trợ (bắt gà, quây gà...) được tính bằng 15 % chi phí nhân công chăm sóc và tiêm chủng	Con	210.000			210.000	600	126.000.000	
		Cộng chi phí trực tiếp (I+II)							2.990.700.000	
		Kiểm tra, giám sát, giao nhận giống được tính 0,5% chi phí trực tiếp							14.953.500	
		Tổng cộng							3.005.653.500	



Phụ lục 03a
DANH MỤC CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC SINH HOẠT CÁN KHẮC PHỤC KHẨN CẤP

TT	Tên công trình/địa bàn	Số hộ bị ảnh hưởng	Nhu cầu kinh phí (triệu đồng)
	TỔNG CỘNG		
I	HUYỆN ĐAKRÔNG		
1	Công trình nước sinh hoạt thôn Khe Luồi, xã Mò Ó	584	6.600
2	Công trình nước sinh hoạt khu tái định cư thôn Húc Nghi, xã Húc Nghi	169	3.000
		79	1.000
		90	2.000
II	HUYỆN HUỠNG HÓA	119	3.000
1	Hệ thống nước sinh hoạt thôn Chênh Vênh và Cheng xã Hướng Phùng	119	3.000
III	HUYỆN CAM LỘ	296	600
1	Hệ thống cấp nước sinh hoạt thôn Tam Hiệp xã Cam Thủy	202	500
2	Hệ thống cấp nước sinh hoạt thôn Bản Chùa xã Cam Tuyền	94	100

Phụ lục 03b

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC TẬP TRUNG, SỐ HỘ BỊ ẢNH HƯỞNG VÀ ƯỚC TÍNH KINH PHÍ KHẮC PHỤC SAU LŨ (Tính đến ngày 06/11/2020)

TT	Tên công trình/địa bàn	Số lượng công trình bị ảnh hưởng	Số hộ bị ảnh hưởng	Nhu cầu sửa chữa (Triệu đồng)	Đánh giá hư hỏng do lũ lụt	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	66	7.080	72.600		
I	HUYỆN ĐAKRÔNG	29	2.093	23.700		
1	Công trình nước sinh hoạt thôn Khe Luồi, xã Mô Ó	1	79	1.000	Thượng lưu đập bị bồi lấp, tuyến ống bị cuốn trôi nhiều đoạn khoảng 600m	sửa chữa khẩn cấp
2	Công trình nước sinh hoạt Khe Ô xã Mô Ó	1	75	300	Đứt gãy 18m ống sắt và 15m ống nhựa	
3	Công trình nước sinh hoạt khu tái định cư thôn Húc Nghi, xã Húc Nghi	1	90	2.000	Thượng lưu đập bị bồi lấp, tuyến ống bị cuốn trôi nhiều đoạn khoảng 1.290 m	sửa chữa khẩn cấp
4	Công trình nước sinh hoạt thôn Húc Nghi xã Húc Nghi	1	110	1.800	Thượng nguồn bị bồi lấp khối lượng lớn, tuyến ống bị đứt 20 mét phi 60	
5	Công trình nước sinh hoạt thôn Cựp xã Húc Nghi	1	90	500	Thượng nguồn bị bồi lấp khối lượng lớn, tuyến ống bị cuốn trôi 100 mét phi 63	
6	Công trình nước sinh hoạt thôn A Pul tuyến khe Ra Liêng và khe U sau, xã Tà Rụt	1	85	1.200	Thượng lưu đập bị bồi lấp, tuyến ống bị cuốn trôi nhiều đoạn khoảng 300 m	
7	Công trình nước sinh hoạt thôn A Pun, xã Tà Rụt	1	130	350	Thượng lưu đập dâng bị bồi lấp khối lượng lớn hệ thống tuyến ống bị cuốn trôi 50m	
8	Công trình nước sinh hoạt thôn A Liêng, xã Tà Rụt	1	125	300	Thượng lưu đập dâng bị bồi lấp khối lượng lớn hệ thống tuyến ống bị cuốn trôi 50m	
9	Công trình nước sinh hoạt thôn Khe Hép xã Tà Rụt	1	85	250	Thượng nguồn bị bồi lấp khối lượng lớn, tuyến ống bị cuốn trôi 50m	
10	Công trình nước sinh hoạt tổ Ra Ró xã A Vao	1	28	700	Thượng lưu đập dâng bị bồi lấp khối lượng lớn hệ thống tuyến ống bị cuốn trôi 150m ống	

TT	Tên công trình/địa bàn	Số lượng công trình bị ảnh hưởng	Số hộ bị ảnh hưởng	Nhu cầu sửa chữa (Triệu đồng)	Đánh giá hư hỏng do lũ lụt	Ghi chú
11	Công trình nước sinh hoạt tổ Kỳ Nơi Pa Ling xã A Vao	1	52	1.200	Thượng lưu đập dâng bị bồi lấp khối lượng lớn hệ thống tuyến ống bị cuốn trôi 300m ống	
12	Công trình nước sinh hoạt tổ A Sau Pa Ling xã A Vao	1	25	1.200	Thượng lưu đập dâng bị bồi lấp khối lượng lớn hệ thống tuyến ống bị cuốn trôi 300m ống	
13	Công trình nước sinh hoạt thôn Tân Đi 3 xã A Vao	1	55	1.200	Thượng lưu đập dâng bị bồi lấp khối lượng lớn hệ thống tuyến ống bị cuốn trôi 300m ống	
14	Công trình nước sinh hoạt thôn A Vao, xã A Vao	1	40	2.000	Thượng lưu đập dâng bị bồi lấp khối lượng lớn hệ thống tuyến ống bị cuốn trôi 500m ống	
15	Công trình nước sinh hoạt thôn Tân Đi 2 xã A Vao	1	30	1.000	Thượng lưu đập dâng bị bồi lấp khối lượng lớn hệ thống tuyến ống bị cuốn trôi 200m ống	
16	Công trình nước sinh hoạt thôn Kỳ Ne, xã A Ngo	1	22	200	Thượng lưu đập dâng bị bồi lấp khối lượng lớn hệ thống tuyến ống bị cuốn trôi 12m	
17	Công trình nước sinh hoạt Liên thôn A Deng- A Rông dưới xã A Ngo	1	90	400	Thượng lưu bị bồi lấp khối lượng lớn. tuyến ống bị cuốn trôi 100m, bị gãy 2 đoạn 30m	
18	Công trình nước sinh hoạt liên thôn Kỳ nel -xã A Ngo	1	85	400	Thượng lưu đập bị bồi lấp khối lượng lớn. tuyến ống bị cuốn trôi 100m. đập dâng bị vỡ	
19	Công trình nước sinh hoạt La Lay xã A Ngo	1	25	200	Thượng lưu đập bị bồi lấp khối lượng lớn. tuyến ống bị cuốn trôi 50m	
20	Công trình nước sinh hoạt thôn Kè, Vôi, Pa Hy Tà Lao, Ly lôn xã A Bung	1	85	3.600	6.700 m	

TT	Tên công trình/địa bàn	Số lượng công trình bị ảnh hưởng	Số hộ bị ảnh hưởng	Nhu cầu sửa chữa (Triệu đồng)	Đánh giá hư hỏng do lũ lụt	Ghi chú
21	Công trình nước sinh hoạt thôn Na Nấm, xã Triệu Nguyên	1	32	250	Thượng lưu đập dâng bị bồi lấp khối lượng lớn hệ thống tuyến ống bị cuốn trôi 90m d63	
22	Công trình nước sinh hoạt Khe Nha Triều, xã Triệu Nguyên	1	60	100	Thượng lưu đập dâng bị bồi lấp khối lượng lớn hệ thống tuyến ống bị cuốn trôi 20m	
23	Công trình nước sinh hoạt thôn Mai Sơn - Khe Cau	1	140	450	hệ thống tuyến ống bị gãy cuốn trôi 200m	
24	Công trình nước sinh hoạt Cây Chanh	1	90	350	hệ thống tuyến ống bị gãy và cuốn trôi 165m	
25	Công trình nước sinh hoạt Hà Vụng	1	70	300	hệ thống tuyến ống bị gãy và cuốn trôi 180m	
26	Công trình nước sinh hoạt Tà Lang	1	130	250	hệ thống tuyến ống bị gãy và cuốn trôi 80m	
27	Công trình nước sinh hoạt khu di dân	1	65	700	hệ thống tuyến ống bị gãy và cuốn trôi 150m	
28	Công trình nước sinh hoạt Khe Đầu	1	45	700	hệ thống tuyến ống bị gãy và cuốn trôi 150m	
29	Công trình nước sinh hoạt thôn Đá Nổi	1	55	800	hệ thống tuyến ống bị gãy và cuốn trôi 160m	
II	HUYỆN HƯỚNG HÓA	33	3.728	47.600		
1	Công trình nước sinh hoạt Xã Lít xã Hướng Việt	1	147	2.200	Nước lũ cuốn trôi 300m ống HDPE , đập dâng đầu nguồn bị vùi lấp và trôi bề	
2	Công trình nước sinh hoạt Tà Nghi xã Hướng Việt	1	122	2.300	Nước lũ cuốn trôi 300m ống HDPE , đập dâng đầu nguồn bị vùi lấp và trôi bề	

TT	Tên công trình/địa bàn	Số lượng công trình bị ảnh hưởng	Số hộ bị ảnh hưởng	Nhu cầu sửa chữa (Triệu đồng)	Đánh giá hư hỏng do lũ lụt	Ghi chú
3	Hệ thống nước sinh hoạt thôn Chénh Vénh và Chénh xã Hường Phùng	1	119	3.000	Cuốn trôi 80 đường ống hoàn toàn và nhiều đoạn đường ống bị gãy và hư hỏng nặng, Bị sạt lở nhiều đoạn đường ống khác, hướng đến những đoạn đường ống khác, đập đầu nguồn bị đất đá vùi lấp và bị trôi bể, không sử dụng được, ảnh hưởng nguồn nước sinh hoạt tại thôn Chénh Vénh, Xã Ry	sửa chữa khẩn cấp
4	Hệ thống cấp nước thôn Trùm, Xã Tuồng xã Pa Tàng	1	78	2.000	Tuyến ống dẫn nước bị đứt gãy ống và trôi nhiều đoạn, đập dâng nước bị đất đá bồi lấp, các bể chứa nước bị trôi	
5	Hệ thống cấp nước thôn Vàng, Măng Sóng xã Pa Tàng	1	162	1.500	Tuyến ống dẫn nước bị đứt gãy ống và trôi nhiều đoạn, đập dâng nước bị đất đá bồi lấp, các bể chứa nước bị trôi	
6	Công trình cấp nước thôn Xã Rô xã Pa Tàng	1	37	500	Tuyến ống dẫn nước bị đứt gãy ống và trôi nhiều đoạn, đập dâng nước bị đất đá bồi lấp, các bể chứa nước bị trôi	
7	Công trình cấp nước cụm xã Pa Tàng	1	244	2.000	Tuyến ống dẫn nước bị đứt gãy ống và trôi nhiều đoạn, đập dâng nước bị đất đá bồi lấp, các bể chứa nước bị trôi	
8	Công trình cấp nước thôn Cu Đông 2, xã Húc	1	76	700	Tuyến ống dẫn nước bị đứt gãy ống và trôi, đập dâng nước bị đất đá bồi lấp, các bể chứa nước bị trôi	
9	Công trình cấp nước thôn Ta Cu, xã Húc	1	44	1.700	Tuyến ống dẫn nước bị đứt gãy ống và trôi, đập dâng nước bị đất đá bồi lấp, các bể chứa nước bị trôi	
10	Công trình cấp nước thôn Tà Rùng, xã Húc	1	143	1.200	Tuyến ống dẫn nước bị đứt gãy ống và trôi, đập dâng nước bị đất đá bồi lấp, các bể chứa nước bị trôi	

TT	Tên công trình/địa bàn	Số lượng công trình bị ảnh hưởng	Số hộ bị ảnh hưởng	Nhu cầu sửa chữa (Triệu đồng)	Đánh giá hư hỏng do lũ lụt	Ghi chú
11	Công trình cấp nước thôn Ta Núc, xã Húc	1	81	600	Tuyến ống dẫn nước bị đứt gãy ống và trôi, đập dâng nước bị đất đá bồi lấp, các bể chứa nước bị trôi	
12	Công trình cấp nước thôn Ta Ry 2, xã Húc	1	37	400	Tuyến ống dẫn nước bị đứt gãy ống và trôi, đập dâng nước bị đất đá bồi lấp, các bể chứa nước bị trôi	
13	Công trình cấp nước thôn Húc Ván Ry, xã Húc	1	146	1.500	Tuyến ống dẫn nước bị đứt gãy ống và trôi, đập dâng nước bị đất đá bồi lấp, các bể chứa nước bị trôi	
14	Công trình cấp nước thôn Húc Thượng 1, xã Húc	1	99	800	Tuyến ống dẫn nước bị đứt gãy ống và trôi, đập dâng nước bị đất đá bồi lấp, các bể chứa nước bị trôi	
15	Công trình cấp nước thôn Ho Le, xã Húc	1	27	200	Tuyến ống dẫn nước bị đứt gãy ống và trôi, đập dâng nước bị đất đá bồi lấp, các bể chứa nước bị trôi	
16	Hệ thống nước sạch A Xóc-Cha Lý xã Hương Lập	1	150	1.500	Tuyến ống bị đứt gãy hoàn toàn, đập dâng thường nguồn bị đất đá bồi lấp và các bể chứa nước bị nước lũ cuốn trôi, khó khắc phục	
17	Hệ thống nước sạch Trixã Hương Lập	1	60	1.500	Tuyến ống bị đứt gãy hoàn toàn, đập dâng thường nguồn bị đất đá bồi lấp và các bể chứa nước bị nước lũ cuốn trôi, khó khắc phục	
18	Hệ thống nước sạch thôn Cuối xã Hương Lập	1	50	1.500	Tuyến ống bị đứt gãy hoàn toàn, đập dâng thường nguồn bị đất đá bồi lấp và các bể chứa nước bị nước lũ cuốn trôi, khó khắc phục	

TT	Tên công trình/địa bàn	Số lượng công trình bị ảnh hưởng	Số hộ bị ảnh hưởng	Nhu cầu sửa chữa (Triệu đồng)	Đánh giá hư hỏng do lũ lụt	Ghi chú
19	Hệ thống nước sạch thôn Cựpxã Hướng Lập	1	55	1.500	Tuyến ống bị đứt gây hoàn toàn, đập dăng thường nguồn bị đất đá bồi lấp và các bề chứa nước bị nước lũ cuốn trôi, khó khắc phục	
20	Hệ thống nước sạch Cu Baixã Hướng Lập	1	160	2.000	Tuyến ống bị đứt gây hoàn toàn, đập dăng thường nguồn bị đất đá bồi lấp và các bề chứa nước bị nước lũ cuốn trôi, khó khắc phục	
21	Hệ thống nước sạch Tà Păng xã Hướng Lập	1	50	1.500	Tuyến ống bị đứt gây hoàn toàn, đập dăng thường nguồn bị đất đá bồi lấp và các bề chứa nước bị nước lũ cuốn trôi, khó khắc phục	
22	Hệ thống nước sạch Sê Pu xã Hướng Lập	1	50	1.500	Tuyến ống bị đứt gây hoàn toàn, đập dăng thường nguồn bị đất đá bồi lấp và các bề chứa nước bị nước lũ cuốn trôi, khó khắc phục	
23	Công trình nước chảy thôn Xa Doan xã A Dơi	1	678	5.000	Tuyến ống bị đứt gây và bị cuốn trôi nhiều đoạn, đập dăng bị bồi lấp và các bề chứa nước bị nước lũ cuốn trôi	
24	Hệ thống cấp nước thôn Cheng, Cu Dùm xã Hướng Lộc	1	82	1.000	Tuyến ống bị đứt gây và bị cuốn trôi nhiều đoạn, đập dăng bị bồi lấp và các bề chứa nước bị nước lũ cuốn trôi	
25	Công trình cấp nước thôn Cu Dùm, Pa Ka, Ta Roa xã Hướng Lộc	1	127	1.000	Tuyến ống bị đứt gây và bị cuốn trôi nhiều đoạn, đập dăng bị bồi lấp và các bề chứa nước bị nước lũ cuốn trôi	
26	Hệ thống cây nước thôn Nguồn Rào, Pín xã Hướng Sơn	1	140	1.500	Tuyến ống bị đứt gây và bị cuốn trôi hoàn toàn, đập dăng thượng nguồn bị bồi lấp và các bề chứa nước bị nước lũ cuốn trôi, khó khắc phục	

TT	Tên công trình/địa bàn	Số lượng công trình bị ảnh hưởng	Số hộ bị ảnh hưởng	Nhu cầu sửa chữa (Triệu đồng)	Đánh giá hư hỏng do lũ lụt	Ghi chú
27	Công trình cấp nước thôn Ra Ly, Rào xã Hướng Sơn	1	133	1.500	Tuyến ống bị đứt gãy và bị cuốn trôi hoàn toàn, đập dâng thượng nguồn bị bồi lấp và các bể chứa nước bị nước lũ cuốn trôi, khó khắc phục	
28	Công trình cấp nước thôn Hồ xã Hướng Sơn	1	83	1.000	Tuyến ống bị đứt gãy và bị cuốn trôi hoàn toàn, đập dâng thượng nguồn bị bồi lấp và các bể chứa nước bị nước lũ cuốn trôi, khó khắc phục	
29	Công trình cấp nước thôn Mới xã Hướng Sơn	1	55	1.000	Tuyến ống bị đứt gãy và bị cuốn trôi hoàn toàn, đập dâng thượng nguồn bị bồi lấp và các bể chứa nước bị nước lũ cuốn trôi, khó khắc phục	
30	Công trình cấp nước thôn Trĩa xã Hướng Sơn	1	46	1.000	Tuyến ống bị đứt gãy và bị cuốn trôi hoàn toàn, đập dâng thượng nguồn bị bồi lấp và các bể chứa nước bị nước lũ cuốn trôi, khó khắc phục	
31	Công trình hệ thống nước tự chảy thôn Mới xã Hướng Linh	1	66	1.000		
32	Công trình hệ thống nước tự chảy thôn Miệt Cù xã Hướng Linh	1	84	1.000	Tuyến ống bị đứt gãy và bị cuốn trôi nhiều đoạn, đập dâng bị bồi lấp và các bể chứa nước bị nước lũ cuốn trôi	
33	Công trình hệ thống nước tự chảy thôn Xa Bai xã Hướng Linh	1	97	1.000		
III	HUYỆN CAM LỘ	4	1.259	1.300		

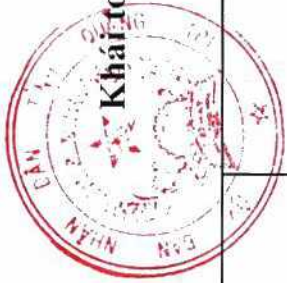
TT	Tên công trình/địa bàn	Số lượng công trình bị ảnh hưởng	Số hộ bị ảnh hưởng	Nhu cầu sửa chữa (Triệu đồng)	Đánh giá hư hỏng do lũ lụt	Ghi chú
1	Hệ thống cấp nước sinh hoạt thôn Tam Hiệp xã Cam Thủy	1	202	500	Giếng, máy bơm bị cuốn trôi; đường ống bị xuống cấp, hư hỏng nặng	sửa chữa khẩn cấp
4	Hệ thống cấp nước sinh hoạt thôn Bán Chùa xã Cam Tuyền	1	94	100	Bể chứa bị bồi lấp khoảng 50m ³ đất; bể lọc bị tắc, không lọc được	sửa chữa khẩn cấp
2	Hệ thống cấp nước sinh hoạt thôn Lâm Lang xã Cam Thủy	1	660	500	Giếng khơi kích thước dài 10m, rộng 10m, sâu 9,5m bị sạt, bồi lấp; tường bao và mái che bị sập	
3	Công trình cấp nước thôn Cam Phú 3 xã Cam Thành	1	303	200	Bể hút bị bồi lấp hoàn toàn (100m ³ đất đá); 100m D90 bị hư hỏng, cuốn trôi	

Phu luc 04

DVT: Triệu đông

TT	Hạng mục	Tổng kinh phí	Nguồn hỗ trợ			Đối ứng của người dân	Ghi chú
			Từ quỹ cứu trợ khác phục hậu quả thiên tai của MTTQVN tính tiếp nhận	Từ nguồn kinh phí Trung ương hỗ trợ khẩn cấp các địa phương khắc phục hậu quả mưa, lũ và các nguồn vốn hợp pháp khác	Cộng hỗ trợ từ các nguồn		
A	Đã được hỗ trợ và dự kiến sẽ được hỗ trợ từ Trung ương	55.809,9					
1	- Giống cây trồng (đã hỗ trợ)	4.309,2					hiện vật
	- Giống cây trồng đề xuất sẽ được hỗ trợ (lúa, ngô rau)	38.699,7					hiện vật
2	Giống vật nuôi và hóa chất (đã hỗ trợ)	12.430,0					hiện vật
3	- Giống cá, cá bố mẹ (đã hỗ trợ)	371					hiện vật
B	Đề xuất Hỗ trợ cấp bách trước mắt	123.963,3	28.524,0	83.600,5	112.124,5	11.838,8	
1	Khắc phục công trình cấp nước sinh hoạt	6.600,0		6.600,0	6.600,0		
2	Khắc phục hệ thống thủy lợi mờ nước	52.270,0	3.000,0	49.270,0	52.270,0		
3	Cải tạo mặt bằng đồng ruộng	22.751,5		22.751,5	22.751,5		
4	Hỗ trợ giống cây trồng (lạc + hom sắn)	17.900,0	12.530,0		12.530,0	5.370,0	
5	Hỗ trợ mua giống lúa	2.714,8	1.900,4		1.900,4	814,4	
6	Hỗ trợ mô hình nuôi lợn ATSH phục vụ tái đàn lợn	2.700,0		1.800,0	1.800,0	900,0	
7	Mua giống lợn nuôi thịt phục vụ tái đàn lợn	8.750,0	6.125,0		6.125,0	2.625,0	
8	Hỗ trợ ủ phân gia cầm đến 21 ngày tuổi	3.005,0		3.005,0	3.005,0		
9	Giống Thủy sản: cá bố mẹ, cá giống	7.272,0	4.968,6	174,0	5.142,6	2.129,4	
C	Hỗ trợ tiếp theo	800.119,1	0,0	800.119,1	800.119,1		
1	Sữa chữa công trình cấp nước sinh hoạt	66.000,0		66.000,0	66.000,0		
2	Sữa chữa hệ thống thủy lợi, đê kè	632.475,0		632.475,0	632.475,0		
3	Giống tôm và hóa chất xử lý	38.115,0		38.115,0	38.115,0		
4	Sữa chữa cơ sở hạ tầng thủy sản	23.895,0		23.895,0	23.895,0		
5	Hỗ trợ tái đàn lợn	10.000,0		10.000,0	10.000,0		
6	Hỗ trợ trồng rừng tự nhiên	19.762,1		19.762,1	19.762,1		
7	Khắc phục hạ tầng lâm nghiệp phục vụ PCCCR	9.872,0		9.872,0	9.872,0		
	Tổng cộng (A+B+C)	979.892,3	28.524,0	883.719,6	912.243,6	11.838,8	

Để xuất Hỗ trợ cấp bách trước mắt từ quỹ cứu trợ khắc phục hậu quả thiên tai của MTTQVN tỉnh tiếp nhận:	28.524,0 Triệu đồng
Để xuất hỗ trợ cấp bách trước mắt từ nguồn kinh phí Trung ương hỗ trợ khẩn cấp các địa phương khắc phục hậu quả mưa lũ:	83.600,5 Triệu đồng



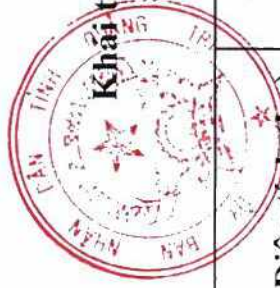
Phụ lục 05a
Khất toán kinh phí hỗ trợ hóa chất

STT	Huyện/thành phố	Diện tích (ha)	Hóa chất Chlorine 65% (Tấn)	Kinh phí thực hiện (triệu đồng)		
				Tổng kinh phí	Ngân sách TW (100%)	Ngân sách tỉnh (0%)
1	Vĩnh Linh	301	90	4.515	4.515	0
2	Gio Linh	113	34	1.695	1.695	0
3	Đông Hà	11	3	165	165	0
4	Triệu Phong	268	80	4.020	4.020	0
	Tổng	693	208	10.395	10.395	0

Ghi chú: Đơn giá Chlorine: 50.000 đồng/kg

Phụ lục 05b

Khai toán kinh phí hỗ trợ tôm giống



STT	Huyện/thành phố	Diện tích (ha)	Tôm giống (triệu con)	Kinh phí thực hiện		
				Tổng kinh phí	Ngân sách TW (100%)	Ngân sách tỉnh (0%)
1	Vĩnh Linh	301	120,4	12.040	12.040	0
2	Gio Linh	113	45,2	4.520	4.520	0
3	Đông Hà	11	4,4	440	440	0
4	Triệu Phong	268	107,2	10.720	10.720	0
	Tổng	693	277,2	27.720	27.720	0

Ghi chú: Đơn giá tôm giống: 100 đồng/con

Phụ lục 05c

Khái toán kinh phí hỗ trợ sửa chữa cơ sở hạ tầng

STT	Danh mục dự án	Nội dung thực hiện	Địa điểm	Kinh phí thực hiện (triệu đồng)		
				Tổng kinh phí	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh
1	Sửa chữa một số hạng mục Trung tâm giống thủy sản	Sửa chữa hàng rào, ao hồ bị hư hỏng tại Trại tôm Cửa Tùng và tại cá Trúc Kinh	Xã Gio Quang, Thị trấn Cửa Tùng	3.700	0	3.700
2	Sửa chữa một số hạng mục tại cảng cá Quảng Trị	Sửa chữa công xả nước, hào công trình, bến nghỉ ngơi, bến cập tàu và mặt bến, nhà xưởng máy đá	Thị trấn Cửa Tùng, xã Triệu An	195	0	195
3	Sửa chữa các công trình vùng nuôi thủy sản tập trung	Sửa chữa đê bao, công chính, đường, điện	Các huyện: Vĩnh Linh, Gio Linh, Triệu Phong, Hải Lăng và thành phố Đông Hà	20.000	20.000	0
Tổng cộng				23.895	20.000	3.895

Phụ lục 06a

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THIẾT HẠI RỪNG VÀ CÔNG TRÌNH PCCC NĂM 2020



TT		ĐVT	Khối lượng	Mức độ thiệt hại (khoảng triệu đồng/ĐVT)	Giá trị ước tính (Triệu đồng)
I	Công trình PCCC				9.872,0
1	Đường ranh cản lửa	Km	57,0	18,00	1.026,00
2	Đường lâm nghiệp	Km	30,0	160,00	4.800,00
3	Ngầm, tràn	Cái	15,0	109,00	1.635,00
4	Chòi canh lửa rừng	Cái	1,0	150,00	150,00
5	Bảng tuyên truyền BVR	Cái	2,0	15,00	30,00
6	Nhà, trạm quản lý bảo vệ rừng	Cái	-		-
7	Chốt bảo vệ rừng	Cái	10,0	17,00	170,00
8	Điểm tiếp nước PCCC	Cái	3,0	367,00	1.101,00
9	Đường điện	Km	3,0	5,00	15,00
10	Máy định vị (GPS)	Cái	1,0	10,00	10,00
11	Trạm biến áp điện	Cái	1,0	200,00	200,00
12	Đập và đê thủy điện	Cái	1,0	635,00	635,00
13	Thuyền máy	Cái	1,0	100,00	100,00
III	Hỗ trợ trồng rừng				65.906,60
1	Rừng tự nhiên	Ha	326,0	86,60	28.231,60
2	Rừng trồng	ha	3.009,5		37.675,0
	Hỗ trợ diện tích rừng thiệt hại trên 70%	ha	107,0	50,00	5.350,00
	Hỗ trợ diện tích rừng thiệt hại từ 30% đến 70%	ha	165,0	30,00	4.950,00
	Thiệt hại dưới 30%	Ha	2.737,5	10,00	27.375,00

TT	Hạng mục	ĐVT	Khối lượng	Mức độ thiệt hại (khoảng triệu đồng/ĐVT)	Giá trị ước tính (Triệu đồng)
IV	Hỗ trợ giống cây trồng lâm nghiệp	cây	2.680.000,0	0,001	2.680,00
	Tổng cộng:				78.458,6

TỔNG HỢP NHƯ CẦU VỒNG KHẮC PHỤC THIẾT HẠI VỀ RỪNG VÀ CÔNG TRÌNH PCCC DO MƯA, LŨ NĂM 2020

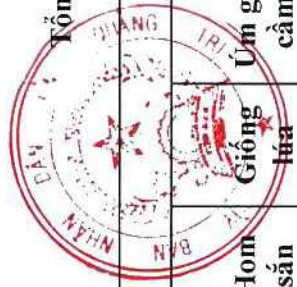
TT	HẠNG MỤC	DVT	Khối lượng	Định mức (Tr.đồng)	NHU CẦU VỐN KHÁC PHỤC (triệu đồng)				GHI CHÚ
					Tổng	Vốn TW	Vốn địa phương	Vốn khác	
						70%	10%	20%	
I	Công trình PCCC				9.872,0	6.910,4	987,2	1.974,4	
1	Đường ranh cản lửa	Km	15,0	9,00	1.026,0	718,2	102,6	205,2	
2	Đường lâm nghiệp	Km	30,0	16,00	4.800,0	3.360,0	480,0	960,0	
3	Ngầm, tràn	Cái	2,0	82,00	1.635,0	1.144,5	163,5	327,0	
4	Chòi canh lửa rừng	Cái	1,0	150,00	150,0	105,0	15,0	30,0	
5	Bảng tuyên truyền BVR	Cái	10,0	15,00	30,0	21,0	3,0	6,0	
6	Nhà, trạm quản lý bảo vệ rừng				-	-	-	-	
7	Chốt bảo vệ rừng	Cái	3,0	6,00	170,0	119,0	17,0	34,0	
8	Điểm tiếp nước PCCC	Cái	1,0	110,00	1.101,0	770,7	110,1	220,2	
9	Đường điện	Km	1,0	2,00	15,0	10,5	1,5	3,0	
10	Máy định vị (GPS)	Cái	1,0	1,00	10,0	7,0	1,0	2,0	
11	Trạm biến áp điện	Cái	1,0	20,00	200,0	140,0	20,0	40,0	
12	Đập và đê thủy điện	Cái	1,0	635,00	635,0	444,5	63,5	127,0	
13	Thuyền máy	Cái	12,1	1,00	100,0	70,0	10,0	20,0	
III	Hỗ trợ trồng rừng				28.989,60	20.292,7	2.899,0	5.797,9	
1	Rừng tự nhiên	Ha	326,0	86,60	28.231,60	19.762,1	2.823,2	5.646,3	
2	Rừng trồng					-	-	-	
	Hỗ trợ diện tích rừng thiệt hại trên 70%	Ha	107,0	4,00	426,40	298,5	42,6	85,3	
	Hỗ trợ diện tích rừng thiệt hại từ 30% đến 70%	Ha	165,0	2,00	330,20	231,1	33,0	66,0	
IV	Hỗ trợ giống cây trồng lâm nghiệp	Ha	2.680.000 cây (tương ứng khoảng 4ha)	40,00	160,00	112,0	16,0	32,0	
	Tổng cộng:				39.021,6	27.315,1	3.902,2	7.804,3	

Phụ lục 07

KHÁI TOÁN SỐ LƯỢNG HÀNG MỤC VÀ KINH PHÍ HỖ TRỢ LÂU DÀI (Ngân sách tỉnh)

TT	Huyện, thị xã, thành phố	Hỗ trợ trước mắt mô hình chăn nuôi lợn an toàn sinh học			Hỗ trợ trước mắt mua lợn giống nuôi thịt (70%)		Hỗ trợ lãi suất vốn vay khôi phục đàn lợn giai đoạn 2021-2025 (triệu đồng)	Tổng kinh phí (triệu đồng)
		Số lượng (MH)	Đơn giá (triệu đồng)	Thành tiền (triệu đồng)	Số lượng (con)	Thành tiền (triệu đồng)		
1	Vĩnh Linh	1	200	200,0	500	875,0	1.500	2.575,00
2	Gio Linh	1	200	200,0	500	875,0	1.000	2.075,00
3	Đồng Hà	1	200	200,0	150	262,5	500	962,50
4	Triệu Phong	1	200	200,0	750	1.312,5	1.500	3.012,50
5	TX Quảng Trị	1	200	200,0	300	525,0	500	1.225,00
6	Hải Lăng	1	200	200,0	600	1.050,0	1.500	2.750,00
7	Cam Lộ	1	200	200,0	300	525,0	1.500	2.225,00
8	Đakrông	1	200	200,0	200	350,0	1.000	1.550,00
9	Huỳnh Hóa	1	200	200,0	200	350,0	1.000	1.550,00
Tổng cộng		9		1.800,0	3.500	6.125,0	10.000	17.925,00

Trọng lượng lợn nuôi thịt bình quân 10kg/con, đơn giá: 250.000đ/kg



TT	Các đơn vị, địa phương	Hạng mục hỗ trợ từ ngân sách nhà nước (triệu đồng)											Hạng mục thủy lợi ưu tiên khác phục mở nước		Tổng cộng
		Giống lạc	Hơn sản	Giống lúa	Ủm gia cầm	MH nuôi lợn ATSH	Giống lợn	Giống cá bố mẹ hậu bị	Giống cá nuôi thịt	Cải tạo đồng ruộng	Sửa chữa khẩn cấp các công trình cấp nước				
Nguồn MTTQVN		Nguồn TW		Nguồn MTTQVN		Nguồn TW		Nguồn MTTQVN		Nguồn TW		Nguồn UBMT TQVN tỉnh	Nguồn TW		
0	0	0	3.005	1.800	0,0	74	0,0	0,0	0,00	0			17.370	22.249,00	
1	Trung tâm Giống cây trồng vật nuôi				3.005										3.005,00
2	Trung tâm Khuyến nông					1.800									1.800,00
3	Trung tâm Giống Thủy sản										74				74,00
4	Sửa chữa các công trình thủy lợi do tỉnh quản lý													17.370	17.370,00
II	Khối huyện	6.300	6.230	1.900,4	0	0	6.125,0	100	4.968,6	22.751,50	6.600	3.000	31.900	89.875,50	
1	Vĩnh Linh		1.400	539,0			875,0		2.146,2			500	6.800	12.260,20	
2	Gio Linh	630	700	693,0			875,0		453,6	88,40			2.000	5.440,00	
3	TP. Đông Hà						262,5		109,2	6,60				378,30	
4	Triệu Phong		1.400	539,0			1.312,5		663,6	2.541,00		1.000	10.400	17.856,10	
5	TX Quảng Trị		280	52,4			525,0		231,0	2.328,50			1.000	4.416,90	
6	Hải Lăng	1.890	1.820				1.050,0	100	877,8				2.450	8.187,80	
7	Cam Lộ	2.205	630	77,0			525,0		331,8	264,00	600	500	2.250	7.382,80	
8	Đakrông	1.575					350,0			12.063,00	3.000	1.000	500	18.488,00	
9	Hương Hóa						350,0		155,4	5.460,00	3.000		6.500	15.465,40	
	Tổng cộng	6.300	6.230	1.900,4	3.005	1.800	6.125,0	174	4.968,6	22.751,50	6.600	3.000	49.270	112.124,50	